

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

LÊ THỊ LIỆU

**HỌC THUYẾT VÔ VI CỦA LÃO TỬ  
VÀ VẤN ĐỀ GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG NƯỚC TA HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 60 22 80

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**2013 | PDF | 91 Pages  
buihuuhanh@gmail.com**

Người hướng dẫn khoa học: TS. TRẦN NGỌC ÁNH

Đà Nẵng - Năm 2013

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.*

*Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

Người cam đoan

**Lê Thị Liệu**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	3
4. Phương pháp nghiên cứu .....	3
5. Cấu trúc của khóa luận.....	3
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu .....	4
<b>CHƯƠNG 1. HỌC THUYẾT VÔ VI CỦA LÃO TỬ.....</b>	<b>11</b>
<b>1.1. LÃO TỬ VỚI ĐẠO ĐỨC KINH .....</b>	<b>11</b>
1.1.1 Thân thế và sự nghiệp .....	11
1.1.2 Tác phẩm Đạo đức kinh.....	12
<b>1.2. HỌC THUYẾT VÔ VI CỦA LÃO TỬ - MẶT TÍCH CỰC VÀ HẠN CHẾ</b>	<b>19</b>
1.2.1. Cơ sở triết học của học thuyết vô vi .....	19
1.2.2. Nội dung cơ bản học thuyết vô vi – Mặt tích cực và hạn chế .....	23
<b>CHƯƠNG 2. VẬN DỤNG HỌC THUYẾT VÔ VI CỦA LÃO TỬ VÀO</b>	
<b>VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NƯỚC TA HIỆN NAY.....</b>	<b>35</b>
<b>2.1. VAI TRÒ CỦA MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN ĐỐI VỚI SỰ TỒN TẠI VÀ</b>	
<b>PHÁT TRIỂN XÃ HỘI.....</b>	<b>35</b>
2.1.1. Vai trò môi trường tự nhiên .....	35
2.1.2. Vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay .....	38
2.1.3. Nguyên nhân ô nhiễm môi trường ở nước ta.....	46
2.1.4. Bảo vệ môi trường sinh thái là nhiệm vụ cấp bách trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước .....	53
<b>2.2. VẬN DỤNG HỌC THUYẾT VÔ VI CỦA LÃO TỬ TRONG GIÁO DỤC</b>	
<b>Ý THỨC VÀ LỜI SÓNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HIỆN NAY.....</b>	<b>56</b>

2.2.1. Vận dụng học thuyết vô vi trong giáo dục ý thức và lối sống hài hòa với tự nhiên .....	56
2.2.2. Vận dụng học thuyết vô vi trong giáo dục ý thức và lối sống bảo vệ môi trường xã hội.....	71
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>82</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>84</b>
<b>QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN THẠC SĨ (BẢN SAO)</b>	



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Phương Đông là cái nôi của văn minh nhân loại có lịch sử phát triển văn hóa từ thời cổ xưa, điển hình cho sự văn minh sự rục rờ, phong phú đó là đất nước Trung Hoa. Thời Xuân Thu của Trung Hoa kéo dài từ năm 722 đến năm 481 TCN, đất nước triền miên trong bạo loạn, chiến tranh, dân nghèo chìm trong biển máu và lửa, hạn hán lũ lụt diễn ra thường xuyên trước thực tiễn lịch sử điêu đứng như vậy xuất hiện nhiều triết gia lớn được gọi là bách gia chư tử. Là thời kì nổi lên nhiều tư tưởng vĩ đại, được gọi là các bậc thánh hiền, hiền giả hay hiền triết đã viết lên cho lịch sử nhân loại những tư tưởng vô giá về trị nước, về chinh phục lòng dân, chinh phục tự nhiên, hạn chế chiến tranh bạo loạn đưa xã hội trở lại yên bình.

Trong các học thuyết đó tư tưởng triết học Vô vi của Lão Tử có ý nghĩa quan trọng không chỉ thời đại ông sống mà đến tận bây giờ những tư tưởng quý giá đó vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn thể hiện tầm nhìn thời đại và mang ý nghĩa sâu sắc. Vô vi không có nghĩa là không làm gì mà là làm theo lẽ tự nhiên, hợp với quy luật. Vượt ra khỏi biên giới Trung Quốc, học thuyết Vô vi của Lão Tử được truyền đến các nước lân cận như Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản... Nghiên cứu học thuyết Vô Vi của Lão Tử giúp chúng ta hiểu thêm về tầm quan trọng của việc sống theo lẽ tự nhiên hợp với quy luật, chúng ta sống như thế nào để bảo vệ môi trường sinh thái, tầm quan trọng của môi trường sinh thái đối với cuộc sống của chúng ta.

Con người quả thực càng văn minh càng gian trá, lòng dục càng tăng, sự cạnh tranh để sinh tồn càng khốc liệt. Chính vì thế càng khoét sâu vào môi trường tự nhiên, càng tham lam vô độ ảnh hưởng đến sinh thái toàn cầu. Bảo vệ môi trường sinh thái đang là nhiệm vụ toàn cầu, cấp bách hiện nay, vấn đề

được Lão Tử đề cập trước hàng thiên niên. Trong nhiều thế kỉ qua con người đã khai thác với một khối lượng lớn các nguồn tài nguyên thiên nhiên để phục vụ cho cuộc sống. Ở nước ta, gần một thế kỷ sống dưới ách thống trị của Pháp và trải qua hơn ba mươi năm đấu tranh giành độc lập môi trường tự nhiên bị phá hoại nghiêm trọng, hàng trăm rừng tự nhiên và đất canh tác chất độc hủy diệt.

Nếu thiếu đi sự cân bằng, điều hoà trong vũ trụ, mà mất cả sự điều hoà trong bản thân mỗi con người, trong tâm hồn họ, ham vật chất quá thì tâm hồn không được yên tĩnh và đạo đức suy, tình nghĩa giảm, đời sống cũng không hạnh phúc. Nhiều người trong cuộc sống hiện đại đã chán cái văn minh tiêu thụ, hùng hục làm từ sáng tới tối để sản xuất cho nhiều, rồi tiêu thụ cho nhiều lại để sản xuất cho nhiều, con người lao vào khai thác tự nhiên không kể hậu quả. Cuộc sống hiện đại, công nghiệp đã làm cho con người ngột ngạt, ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe con người. Chúng ta đọc Lão Tử, học Vô Vi để theo ông sống ở môi trường trong trẻo như trên cánh đồng, gần gũi với thiên nhiên, quay lại với tự nhiên để tồn tại và phát triển.

Nước ta đang trong thời kì tiến hành công nghiệp hóa – hiện đại hóa môi trường tự nhiên đã xuống cấp nghiêm trọng. Nạn ô nhiễm không khí tăng lên, hạn hán xảy ra liên miên. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên khai thác thiếu quy hoạch tình trạng ô nhiễm đất nước không khí đến mức báo động. Đất nước đang trong thời kì đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa, song song với phát triển kinh tế chúng ta cần quan tâm đến bảo vệ môi trường sinh thái. Chúng ta cần ngoảnh lại nghiên cứu các học thuyết của bậc thánh hiền nhằm đưa nước ta vượt qua thử thách, nắm bắt được vận hội, giải quyết nguy cơ môi trường suy thoái, bệnh tật hoành hành..Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề như trên, người viết mạnh dạn chọn đề tài : “ **Học thuyết Vô**

**Vi của Lão Tử và vấn đề giáo dục ý thức bảo vệ môi trường nước ta hiện nay”** làm luận văn tốt nghiệp.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài.**

Phân tích quan điểm Vô Vi của Lão Tử, vận dụng tư tưởng Vô Vi của Lão Tử vào giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sinh thái ở Việt Nam hiện nay.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **a. Đối tượng nghiên cứu**

Học thuyết Vô vi của Lão Tử và vận dụng học thuyết vào giáo dục ý thức bảo vệ môi trường hiện nay.

### **b. Phạm vi nghiên cứu**

Lão Tử là một cây đại thụ về tư tưởng triết học của Trung Hoa cổ đại. Tư tưởng của ông được thể hiện ở nhiều phương diện như trong cách trị nước, kế thế an bang.. được thể hiện khá hoàn chỉnh trong Đạo đức kinh. Nhưng ở phạm vi đề tài chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu học thuyết Vô vi – Đồng thời vận dụng nó vào giáo dục ý thức môi trường hiện nay.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Vận dụng các phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp duy vật lịch sử với các nguyên tắc: Khách quan, toàn diện, phát triển và lịch sử cụ thể. Trong đó chú trọng các phương pháp cụ thể như: phương pháp lịch sử, phương pháp lô gic, so sánh, phân tích, tổng hợp.

## **5. Cấu trúc của khóa luận**

Đề tài khóa luận có cấu trúc bao gồm phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và nội dung gồm 2 chương, 4 tiết.

Chương 1: Học thuyết Vô vi của Lão Tử

Chương 2. Vận dụng học thuyết vô vi của Lão Tử vào việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay.

## 6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Vấn đề con người phải hòa hợp với tự nhiên và thích ứng với tự nhiên đã được đặt ra từ rất sớm trong tư duy nhận thức của các triết gia, nhà tư tưởng, đặc biệt là các triết gia phương đông: như Trang Tử: Trang Tử trí tuệ của tự nhiên đã đề cập đến lối sống hài hòa với tự nhiên không làm trái quy luật, sống hài hòa với tự nhiên được đặt ra từ Lão Tử và các học trò của ông phát triển như: Dương Chu, Doãn Văn, Thận Hào, ...

Trong “Minh triết phương Đông và Triết học phương Tây” của Francois Jullien, (NXB Đà Nẵng, 2004) đã phân tích, giải nghĩa cụm từ Vô vi để người đọc có cách hiểu đúng đắn trong từng trường hợp cụ thể khi nói đến Vô vi. Vô cũng là thực tại, Vô vi không mờ ảo, không cần thượng đế hay tạo hóa giải thích, không có sự vượt siêu cũng như phép lạ ở đây.

Đến với “ Triết lý trong văn hóa Phương Đông” Nguyễn Hùng Hậu, (NXB Đại học sư phạm, 2006) tác giả đã đem Vô của Lão Tử so sánh với Không trong đạo Phật. Cả hai đều thâm trầm, huyền ảo. Tiếp đó tác giả đề cập Vô vi tức là không làm gì nhưng không gì không làm, tức là không làm nhưng lại làm tất cả. Thánh nhân dung Vô vi mà xử sự, tức dùng bất ngôn mà dạy dỗ để cho vạn vật nên mà không can, tạo ra mà không biết chiếm đoạt, làm ra mà không cậy công, thành công mà không ở lại. Bậc thánh nhân làm mà không nói, khi việc thành thì lánh đi nên dân không hay. Hành động một cách vô vi là hành động theo đạo, hành động một cách tự nhiên, giống như cá dưới nước mà không hề thấy nước làm một với nước. Hoa nở nhờ mặt trời, mặt trời dường như không làm nhưng không đâu là không thọ ánh dương của nó. Mặt trời chiếu xuống vạn vật mà không hay mình chiếu. Vạn vật thọ ánh sáng mặt trời mà không hay mình thọ lãnh. Đó là hành động tự nhiên, là hành động Vô Vi. Qua đây tác giả đã nêu bật được tư tưởng Vô Vi và hành động như thế nào

thì được gọi là Vô vi, Vô vi rất cần cho bậc thánh nhân, cho mọi hoạt động sống của con người không đi trái lại với tự nhiên, với quy luật.

Trong “ Lão Tử Tinh Hoa” của Thu Giang – Nguyễn Duy Cần (NXB văn học, 1991) đã đề cập 97 chữ Vô vi. Vô của Lão Tử là Vô dục, Vô tri, Vô ưu, Vô tư..Và đặc biệt những tư tưởng về chính trị về trị nước, tư tưởng về Đạo..Vô vi được đề cập một cách sâu sắc và xác đáng. Vô vi là hành động trở về với cội nguồn, từ bỏ những gì phiền phức đa đoan của văn minh giả tạo, về với thuần phác của tự nhiên. Vô vi không phải không làm gì mà làm một cách kín đáo đem cái tự nhiên mà giúp một cách tự nhiên, không dư tâm, vị ki, người thi ân không biết là thi ân, người thọ ân không biết là thọ ân. Bậc trị nước mà dung đến cái đạo Vô vi dân không hay là mình bị trị, dĩ nhiên được thuận hạ, mà tự mình cũng không bao giờ bị hại. Đúng là những tư tưởng vô giá, thế hệ sau có thể áp dụng ở nhiều lĩnh vực, đi sâu sát vào giáo dục ý thức hệ cho mọi hoạt động trong đời sống.

Trong “Đại cương triết học Trung Quốc” của Doãn Chính – Trương Văn Chung – Nguyễn Thế Nghĩa – Vũ Tinh (NXB, Chính trị quốc gia, 2002) Các tác giả đã phân tích tình hình cụ thể của bối cảnh lịch sử Trung Hoa cổ đại để đi đến cho ra đời những tư tưởng chính trị, triết học. Tư tưởng của Vô Vi của Lão Tử được ra đời trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt và đầy đủ những nhân tố biến động trong chính trị xã hội con người. Vì thế sự ứng dụng của học thuyết có sức lan tỏa ở mọi lĩnh vực cho mọi thời đại và đặc biệt là thời đại ngày nay.

Ngoài ra các sách: “ Đại cương Triết học sử Trung Quốc” của Phùng Hữu Lan (NXB, Thanh niên, 1999), “Lịch sử triết học” Bùi Thanh Quát – Vũ Tinh (NXB giáo dục) đề cập đến tư tưởng Vô vi và nêu lên các cánh đánh giá khác nhau về Đạo, đường lối xử thế, về lý thuyết chính trị của Lão Tử.

Bài báo “ Triết lý Vô của Lão Tử” ( Tạp chí triết học, 1997) của Nguyễn Hùng Hậu đề cập cách hiểu về Vô của Lão Tử, người biết thì không nói, người nói thì không biết, tất cả mục đích là để giải thích cho vô trong quan hệ với vô vi, làm một cách tự nhiên.

Bài viết “ Tư tưởng Vô Vi của đạo gia và ảnh hưởng của nó đến đời sống xã hội ngày nay” trên trang Tailieu.vn (2009) giải thích một cách khái quát về tư tưởng vô vi đồng thời phân tích ảnh hưởng của nó đến các lĩnh vực của đời sống như: Chính trị, pháp luật, kinh tế, đối ngoại, sinh thái, môi trường tự nhiên...

Trong “ Bảo vệ môi trường từ góc độ đạo đức” của Nguyễn Văn Phúc (Tạp chí Triết học, 2010). Tác giả xem xét, phân tích vấn đề bảo vệ môi trường từ góc độ đạo đức. Theo tác giả, ưu thế của bảo vệ môi trường từ phương diện đạo đức là sự tự giác, đặc biệt là sự tự nguyện của các chủ thể , điều mà các phương diện khác không có được. Từ đó, tác giả cho rằng cần thiết phải xây dựng đạo đức môi trường nhằm điều chỉnh hành vi của con người trong mối quan hệ với tự nhiên, thực hiện đạo đức môi trường là bổn phận của tất cả mọi người, của toàn nhân loại.

Trong “Xây dựng đạo đức sinh thái một trách nhiệm của con người với tự nhiên” của Phạm Thị Ngọc Trâm (Tạp chí triết học, 2009) Tác giả nêu lên những đặc trưng cơ bản của đạo đức sinh thái khác với đạo đức xã hội nói chung. Trong quan hệ đạo đức sinh thái, con người bao giờ cũng là chủ thể, còn tự nhiên bao giờ cũng là khách thể; sự tác động giữa chúng chỉ đi theo một chiều là mang lại lợi ích cho con người và xã hội, bỏ quên lợi ích và giá trị nội tại của các khách thể tự nhiên. Vì vậy, con người đã mang lại hậu quả khôn lường cho môi trường sống. Bài viết đã chỉ ra rằng, đạo đức sinh thái đòi hỏi một sự tự ý thức rất cao. Cuối cùng, bài viết khẳng định, trước vấn đề lợi ích trong nền kinh tế thị trường và thực trạng suy thoái nghiêm trọng của

môi trường tự nhiên, vấn đề xây dựng đạo đức sinh thái càng trở nên bức xúc hơn lúc nào hết .

Tiến sĩ Phạm Văn Boong nhấn mạnh vai trò của ý thức sinh thái đối với sự phát triển bền vững. Tiến sĩ Vũ Minh Tâm nhấn mạnh đến việc giáo dục văn hóa sinh thái - nhân văn trong nhà trường nhằm nâng cao chất lượng dân số. Phó giáo sư tiến sĩ Phạm Thị Ngọc Trâm đã đề cập đến giá trị sinh thái truyền thống Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường, bảo vệ môi trường là nhiệm vụ chung của toàn nhân loại, những giá trị sinh thái nhân văn Hồ Chí Minh... Văn hóa sinh thái - nhân văn đạo đức sinh thái... mà các tác giả trên đây đã nói đến đều thuộc phạm trù ý thức sinh thái, đó là những mặt hay những phương tiện cụ thể của ý thức sinh thái, ý thức bảo vệ môi trường.

Ngoài các bài báo trên còn có các bài báo khác nghiên cứu về các vấn đề môi trường như: Vũ Minh Tâm. Văn hoá sinh thái, nhân văn và hệ thống tự nhiên, con người, xã hội. (Tạp chí Khoa học xã hội, 2006), Phạm Thị Ngọc Trâm. Vấn đề xây dựng đạo đức sinh thái trong điều kiện kinh tế thị trường. Tạp chí Triết học, số 3, 2002, nêu lên các vấn đề sinh thái liên quan đến ý thức của con người.

Trần Đắc Hiến với Ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay thực trạng và các giải pháp (Tạp chí triết học, 2009) đề cập thực trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta trên các phương diện: ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí đồng thời, phân tích một số nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan dẫn tới sự ô nhiễm môi trường nghiêm trọng như hiện nay. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất, luận chứng một hệ thống các giải pháp nhằm ngăn chặn hiệu quả những hành vi gây ô nhiễm môi trường, hướng tới cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường sống trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta.

Bảo vệ môi trường từ góc độ đạo đức của Nguyễn Văn Phúc (Tạp chí triết học, 2010), Bài viết xem xét, phân tích vấn đề bảo vệ môi trường từ góc độ đạo đức. Theo tác giả, ưu thế của bảo vệ môi trường từ phương diện đạo đức là sự tự giác, đặc biệt là sự tự nguyện của các chủ thể điều mà các phương diện khác không có được. Từ đó, tác giả cho rằng cần thiết phải xây dựng đạo đức môi trường nhằm điều chỉnh hành vi của con người trong mối quan hệ với tự nhiên; rằng, thực hiện đạo đức môi trường là bổn phận của tất cả mọi người, của toàn nhân loại.

Ở phương trời Tây vào thời kì cận đại những nhà duy vật Pháp thế kỉ XVIII đã đề cập đến vấn đề con người nhận thức và chinh phục giới tự nhiên dựa trên cơ sở hiểu biết và tôn trọng những quy luật của tự nhiên. Tuy nhiên trong giai đoạn này các công trình nghiên cứu chỉ tập trung một chiều là đánh giá ảnh hưởng của môi trường đến đời sống và phát triển của con người mà chưa chú ý đến tác động của con người đến môi trường. Sang những năm 70, các nghiên cứu quan hệ tương hỗ giữa môi trường và con người đã thực sự được đặt ra. Nhiều viện nghiên cứu về môi trường được thành lập, nhiều môn khoa học về môi trường đã được thành lập ở các trường đại học, nhiều tạp chí, sách chuyên khảo về môi trường đã được xuất bản. Các nước đã lần lượt cho ra đời các quy định và chính sách trong khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Từ nửa sau thế kỉ 20 đến nay, phong trào Hòa bình xanh, là phong trào chính trị xã hội rộng khắp thế giới, tập hợp những nhà khoa học, những văn nghệ sĩ lớn có tên tuổi, các vị chính khách có uy tín, các tầng lớp nhân dân trong xã hội. Ở một số nước, phong trào này đã phát triển thành ý thức chính trị, đã hình thành nên một số đảng xanh, các đảng phái chính trị có mục đích, lí tưởng nhằm bảo vệ môi trường sinh thái. Ở Hoa Kỳ cấp liên bang đã có Cơ quan bảo vệ môi sinh Hoa Kỳ với trách nhiệm quản lý và ngăn ngừa các yếu tố gây hại đến môi trường sống.



Trong chủ nghĩa Mác đặc biệt nhấn mạnh đến ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên. Trong tác phẩm Bản thảo kinh tế triết học (1844) Mác đã khẳng định: Con người sống bằng tự nhiên. Và đặc biệt trong Biện chứng của tự nhiên Angghen đã cảnh báo: con người không thể thống trị tự nhiên như một kẻ đi xâm lược đi thống trị một dân tộc khác, nếu chúng ta khai thác tự nhiên không có kế hoạch thì sẽ để lại đàng sau những hoang mạc. Trong khoảng vài thập kỉ qua đã nảy sinh nhiều vấn đề về môi trường chung cho toàn cầu đòi hỏi các nước trên thế giới cần quan tâm giải quyết.

Năm 1987, trong báo cáo: “ Tương lai chung của chúng ta”, Ủy ban quốc tế về môi trường đã nêu những quan điểm về sự phụ thuộc lẫn nhau trên toàn thế giới. Cũng trong năm này chính phủ các nước đã chấp nhận “ Triển vọng môi trường đến năm 2000 và sau đó” Văn bản này đã xác định khuôn mẫu rộng rãi để hướng dẫn hành động quốc gia và phát triển quốc tế về phát triển bền vững.

Hội nghị Rio Dejanero (6/1992) ở Braxin, là hội nghị thế giới về môi trường, quy tụ những nhà lãnh đạo có trách nhiệm của các nước trên thế giới, đã ra tuyên bố về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Hội nghị đã ban hai hiệp ước quan trọng là hiệp ước về đa dạng sinh học và Hiệp ước về thay đổi khí hậu. Văn bản về thay đổi khí hậu được chính thức thực hiện vào thang 4/1994. Mục đích của hiệp ước là ổn định các khí nhà kính trong khí quyển ở mức độ không gây hại đến sinh thái tự nhiên và con người. Nghị định thư Kyoto về thay đổi khí hậu 12/1997 đưa ra kế hoạch giảm thiểu sự khuếch tán khí cacbonic ở các nước phát triển ít nhất bằng 55% của năm 1990.

Ở nước ta trong các văn kiện nghị quyết của Đảng như: Văn kiện, nghị quyết của đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên CNXH...và một số nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng cũng thể hiện các quan điểm của Đảng thành văn bản

pháp luật. Chúng ta xây dựng được Luật bảo vệ môi trường. Như vậy ở nước ta, ý thức sinh thái đã được nâng lên thành ý thức pháp quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh thời đã được phát động câu nói “ Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người” đã khái quát mối tương quan hữu cơ giữa môi trường và tự nhiên, giữa môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Giáo trình Sinh thái học đã được đưa vào giảng dạy ở bậc đại học trong những năm đầu thập kỉ này. Vườn quốc gia Cúc Phương được thành lập năm 1962. Năm 1987 Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường nước ta được thành lập. Tháng 12/1993 luật môi trường của Việt Nam được quốc hội thông qua. Kể từ đó đến nay, vấn đề môi trường trở thành mối quan tâm hàng đầu của nước ta, thể hiện qua việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, hoàn thành chiến lược quốc gia bảo vệ môi trường, hoàn thành kế hoạch Quốc gia về môi trường và phát triển bền vững, kế hoạch hành động đa dạng sinh học ở Việt nam. Tháng 10 năm 2009, Bộ tài nguyên và môi trường đã ban hành thông tư số 16/2009/TT quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường. Đặc biệt trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã viết: “Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là cán bộ lãnh đạo các cấp về bảo vệ môi trường. Khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường...đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình dự án đầu tư.

Dựa vào những kết quả nghiên cứu trên đây, qua đề tài nghiên cứu của khóa luận người viết muốn tiếp tục làm sáng tỏ thêm học thuyết Vô Vi của Lão Tử và luận chứng về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường sinh thái ở nước ta hiện nay.

## CHƯƠNG 1

### HỌC THUYẾT VÔ VI CỦA LÃO TỬ

#### 1.1. LÃO TỬ VỚI ĐẠO ĐỨC KINH

##### 1.1.1. Thân thế và sự nghiệp

Theo sử kí Tư Mã Thiên, Lão Tử người nước Sở, tên thật là Lý Nhĩ, tự là Bá Dương, hiệu là Lão Đan là người sống cùng thời với Khổng Tử. Lão Tử vốn người huyện Khổ, Hưng Lệ, làng Khúc Nhân, nước Sở (thuộc miền Nam tỉnh Hà Nam bây giờ). Ông làm quan sứ, giữ kho chứa sách, tàng trữ thất sứ nhà Chu được coi như là giám đốc thư viện quốc gia ngày nay. Ông ở nước Chu đã lâu, thấy nhà Chu suy bèn bỏ đi. Đến cửa quan, viên coi quan là Doãn Hi bảo: “Ông sắp đi ăn, ráng vì tôi mà viết sách để lại”. Thế là Lão tử viết một cuốn gồm hai thiên thượng và hạ, nói về ý nghĩa của “Đạo” và “Đức”, được trên năm ngàn chữ. Viết xong rồi đi, không ai biết chết ra sao, ở đâu. Có một giai thoại kể về Lão Tử và Khổng Tử rằng: Khi Khổng tử qua Chu, lại hỏi Lão tử về lễ, Lão Tử đáp: “Những người ông nói đó, thịt xương đều đã nát thịt cả rồi, chỉ còn lại lời của họ thôi. Và lại, người quân tử nếu gặp thời thì ngồi xe ngựa, không gặp thời thì đội nón lá mà đi chân. Tôi nghe nói người buôn giỏi thì giấu kĩ vật quý, coi ngoài như không có gì người quân tử đức cao thì dung mạo như ngu độn. Ông nên bỏ cái khí kiêu căng, cái lòng đa dục, cái vẻ hăm hờ cùng cái chí quá hăng của ông đi, những cái đó không có ích gì cho ông đâu. Tôi chỉ khuyên ông có bấy nhiêu thôi”. Khổng Tử về, bảo môn sinh: “Loài chim, ta biết nó bay được, loài cá ta biết nó lội được loài thú ta biết nó chạy được. Chạy thì ta dùng lưới để bẫy, lội thì ta dùng câu để bắt, bay thì ta dùng tên để bắn. Đến loài rồng cưỡi gió mây mà lên trời thì ta không sao biết được. Hôm nay ta gặp ông Lão tử, ông ta là con rồng chăng?”.

Lão Tử sống trong suốt một trường kỳ hỗn loạn của lịch sử Trung Hoa được nhớ tới như thời Chiến Quốc. Lúc bấy giờ hàng chục lãnh chúa tiểu quốc bày mưu tính kế tranh giành quyền lực, các vương quốc nổi lên rồi suy tàn như sóng biển, với những liên minh hình thành trong đêm tối để rồi tan rã khi bình minh tới, và chiến tranh lan tràn trên khắp lãnh thổ. Lão Tử trau dồi đạo đức, học thuyết của ông cốt ở chỗ giấu mình, ẩn danh.

Toàn bộ tư tưởng của ông, được trình bày ngắn gọn và súc tích trong cuốn Đạo Đức Kinh, gồm 81 chương, chia làm hai thiên Thượng và Hạ, khoảng 5000 từ Trung Quốc. Đạo đức kinh của Lão Tử vạch một lối thoát cho những ai, là kẻ bất mãn thế cuộc nhiều như ông, đầy cạm bẫy như thời Xuân Thu Chiến Quốc, có được một lẽ sống riêng, hợp với bản chất chân thật của mình. Đồng thời tránh được lối phản kháng bằng hành động phạm pháp cá nhân, hoặc bạo lực tập thể, khiến cho xã hội mà mình đã bất mãn càng thêm hỗn loạn, rối ren.

### **1.1.2. Tác phẩm Đạo đức kinh**

#### *Bối cảnh lịch sử ra đời của Đạo đức kinh*

Trung Hoa cổ đại là một quốc gia rộng lớn có hai miền khác nhau. Miền bắc có lưu vực sông Hoàng Hà đất đai khô cằn, sản vật hiếm hoi. Miền Nam có lưu vực Sông Dương Tử khí hậu ẩm áp cây cối xanh tươi, sản vật phong phú. Trung Hoa cổ đại có lịch sử lâu đời từ cuối thiên niên kỉ thứ 3 TCN đến thế kỉ 3 TCN.

Với một trọng những giai đoạn văn minh liên tục dài nhất của thế giới và hệ thống chữ viết tiếp tục được dùng cho đến nay, lịch sử Trung Quốc đặc trưng bởi những chia tách và thống nhất lặp đi lặp lại hòa bình chiến tranh trên một lãnh thổ đầy những biến động. Một trong những thời kì lịch sử được ghi nhớ nhất của lịch sử Trung Quốc là thời kì Xuân thu - Chiến quốc kéo dài từ năm 770 đến năm 221 TCN. Người ta thường gọi đây là thời kỳ “thai

nghe triết học”. Xã hội Trung Quốc rơi vào thời kì hỗn loạn: Một đảng các quân phương Bắc kéo xuống dày xéo, một đảng phía Nam thịnh linh mạnh lên, khu đất trung nguyên của Tàu hơn 300 năm không ngày nào không có những cuộc chiến tranh xâm phạm. Trong thời đại đó không biết bao nhiêu nước bị tiêu diệt, bao nhiêu nhà bị phá, bao nhiêu người bị chết oan, cụ thể như sau:

#### *Về kinh tế*

Tuy tình hình chính trị rối ren, chiến tranh liên miên nhưng nền kinh tế Trung Quốc đang chuyển từ thời đại đồ đồng sang thời đại đồ sắt. Nền sản xuất nông nghiệp và tiểu công nghiệp phát triển. Sự phân công lao động và chuyên môn hóa sản xuất ngày càng cao, tiền tệ đã xuất hiện. Về khoa học, họ đã phát minh ra chữa viết và dựa vào sự quan sát của mặt trăng, các vì sao, chu kì của nước sông và quy luật sinh trưởng của cây trồng mà họ đã viết ra lịch.

#### *Về chính trị*

Đây là thời kì bạo loạn nhất trong lịch sử Trung Quốc thời Xuân Thu có khoảng 242 năm thì đã xảy ra 483 cuộc chiến tranh lớn nhỏ. Trong nhiều tài liệu như Kinh Thi, Quốc Ngữ, Tả Truyện ta có thể thấy được. Như Hồ Thích đã miêu tả tình hình chính trị hồi đó bằng những hiện trạng sau: Chiến tranh lâu quá, khiến cho dân chúng chết hại, phiêu bạt, đau khổ, không thể chịu nổi.

Tình trạng lễ nghĩa, cương thường, đạo lộn, đạo đức suy đồi dân đen phải chịu cảnh cùng cực thì các vương hầu quý tộc sống rất xa hoa. Các nước xâm chiếm lẫn nhau làm cho nhiều nước bị mất nhiều nhà phá tan, xã hội phân biệt giàu nghèo sâu sắc. Chính trị của các nước thời ấy đều tối tăm. Cùng với thực tiễn lịch sử xã hội cho ta thấy chân tướng của thời đại Xuân Thu, Chiến Quốc cùng với sự phát triển về thiên văn, địa lý, cơ học, văn học... làm tiền đề nảy sinh tư tưởng học thuyết triết học ở Trung Quốc cổ đại.

Kích thích lòng người khiến các bậc tài sĩ đương thời quan tâm lí giải đề tìm ra phương pháp giải quyết “Cứu đời, cứu người”, làm nảy sinh ra các loạt các nhà tư tưởng nổi tiếng ở các trường phái triết học lớn. Nó thực sự trở thành điểm đỉnh của toàn bộ đời sống văn hóa tinh thần của xã hội Trung Hoa cổ đại, như một các mốc son chói lọi trong lịch sử tư tưởng Phương Đông.

#### *Về tư tưởng triết học*

Chính trong thời đại lịch sử biến đổi sâu sắc toàn diện đó đã đặt ra những vấn đề triết học, chính trị xã hội, lí luận đạo đức. Các nhà tư tưởng, các môn phái triết học là đại diện cho giai cấp tầng lớp xã hội khác nhau vừa kế thừa tư tưởng của nhau vừa kết hợp vừa đấu tranh quyết liệt tạo nên không khí sôi động trong đời sống tinh thần xã hội Trung quốc cổ đại. Sự phong phú, đa dạng của các hệ thống triết học thời Xuân Thu- Chiến Quốc, khiến người ta phải gọi là thời kì “Bách gia chư tử”, như “Trăm hoa đua nở muôn chim cùng hát”. Chính trong quá trình ấy đã sản sinh ra nhà tư tưởng lớn và hình thành nên các trường phái triết học khá hoàn chỉnh như: Nho gia, Mặc gia, Âm dương gia, Danh gia, Pháp gia, Nông gia, Đạo gia cũng được ra đời trong bối cảnh này.

Lão Tử là nhà triết học lớn với học thuyết Vô Vi. Ông là người sáng lập trường phái triết học Đạo gia, một trong ba trường phái triết học lớn thời Xuân Thu. Ông đã đúc kết nhiều tư tưởng phổ biến từ thời nhà Chu như vũ trụ luận về thiên địa, ngũ hành, chân khí, thuyết âm dương và Kinh Dịch, ông đã học thuyết hóa những tư tưởng triết lí của truyền thống văn hóa phương Nam. Triết lí của ông có ảnh hưởng rất lớn đến xã hội đương thời và sau này được các học trò ông phát triển nên. Trong lĩnh vực nhận thức phát triển tư tưởng biện chứng của Lão Tử, Trang Tử đã tuyệt đối hóa sự vận động, xóa nhòa mọi ranh giới giữa con người với thiên nhiên, giữa phải và trái, giữa tồn tại và hư vô. Đến cuối thời Đông Hán, tư tưởng của Lão Tử cộng với chất duy

tâm mà Trang Tử đưa vào đã trở thành cơ sở cho việc thần bí hóa Đạo gia thành Đạo giáo.

*Nội dung Đạo đức kinh*

Đạo Đức Kinh có nghĩa đen là “sách về con đường và đức hạnh”, là kinh sách căn bản của phái Đạo gia và có ảnh hưởng lớn các trường phái khác như Pháp gia và Nho gia hậu kì. Đạo Đức Kinh là cuốn sách được dịch nhiều thứ tiếng nhiều thứ hai trên thế giới chỉ sau Kinh thánh của Ki Tô giáo. Đạo Đức Kinh có tới cả trăm bản dịch ra các thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha. Riêng trong tiếng Việt có các bản dịch của Nguyễn Duy Cần, Nghiêm Toàn, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Tôn Nhan. Triết học của Lão Tử như một kim tự tháp lớn trong triết học của Trung Quốc, cùng với Nho giáo, nó như cái bóng bao trùm triết học Trung Hoa.

Tác phẩm Đạo đức kinh của Lão Tử là cuốn sách khoảng 5000 chữ, gồm hai phần. Thượng là Đạo Kinh gồm 37 chương, bàn về Đạo lớn của vũ trụ. Hạ là Đức Kinh gồm 44 chương bàn về Đức. Lão Tử đã viết theo hình thức câu dài ngắn khác nhau, giàu âm điệu và đọc lên nghe như thơ tự do thời nay. Súc tích, không chêm câu, không lý luận. Không chứng minh dài dòng. Thể được dùng là cổ văn, một loại văn ngắn gọn, khó thuộc lòng và không dễ hiểu. Vì thế, nó có vẻ như chỉ gợi ý và bắt người đọc phải ngẫm nghĩ, tưởng tượng. Và người đọc có rất nhiều cơ hội tiếp nối quá trình sáng tạo, tư duy, cho tác phẩm sinh động, thấm sâu, được triển khai thêm theo mỗi lần đọc. Đạo đức kinh bao trùm và dẫn dắt các quá trình tư tưởng của Trung Hoa. Có thể nói những tư tưởng triết học cơ bản của Lão Tử được thể hiện chủ yếu qua tác phẩm Đạo Đức kinh. Đây cũng là bộ sách kinh điển của trường phái Đạo gia thể hiện qua những lý luận về Đạo và Đức. Những lý luận này vừa thể hiện quan niệm biện chứng về thế giới của Lão Tử, vừa là cơ sở lý luận để Lão Tử xây dựng “thuyết vô vi”. Với cách diễn đạt vắn tắt và thâm trầm, gợi mở bằng những

châm ngôn, ngôn ngữ có tính ẩn dụ, Lão Tử đã trình bày ba vấn đề triết học căn bản là: Học thuyết về “Đạo”, tư tưởng về phép biện chứng và học thuyết “Vô Vi”.

Trong hệ thống triết học của ông, học thuyết về đạo là nội dung chủ đạo. Là nền tảng chi phối xuyên suốt các vấn đề trong triết học của ông và hầu hết các quan điểm về vũ trụ, nhân sinh của người Trung Hoa cổ đại. Đạo của Lão Tử là một khái niệm là phạm trù triết học dùng để thể hiện sức mạnh tiềm ẩn, là sự trưởng thành của vạn vật, là cái hình thức nhờ đó vạn vật định hình và phân biệt được với nhau, là cái lý sâu sắc để nhận biết vạn vật. Có nội dung sâu sắc, là một phạm trù triết học cơ bản trong triết học của ông. Về mặt bản thể luận, Đạo được Lão Tử trình bày theo ba mặt: thể, tướng và dụng.

*Về mặt thể* của đạo Lão Tử đã dùng nhiều thuật ngữ để diễn đạt, như “Đạo huyền”, “đại đạo”, “đạo thường”... tính khách quan của tự nhiên được Lão Tử đưa lên hàng đầu, nó vốn như thế, mộc mạc, không bị nhào nặn gọt giũa bởi con người và nó hoàn toàn độc lập với ý muốn. Nó sinh ra vạn vật nhưng không có ý chí không có dục vọng và mục đích.

Đạo là cái vĩnh hằng, có trước trời đất, theo Lão Tử đạo là cái vô cực. Đạo sinh ra vạn vật nhưng không cho vạn vật là của mình. Nó vô tình “ coi vạn vật như loài chó rơm” [ 26, tr. 54]. Tính khách quan của đạo là để mọi vật theo hướng tự nhiên, sinh sinh hóa hóa, chẳng cậy, chẳng khoe. Tính tự nhiên của đạo không giống với cách hiểu của các nhà duy vật phương Tây là lấy nó đối lập với ý thức mà là nó tồn tại nó chứa cả cái tồn tại, cái không tồn tại cái động và tĩnh, thay đổi và không thay đổi. Vì thế chúng ta không thể tự nhận định được rằng là Ông người duy vật hay duy tâm.

*Về mặt tướng* của đạo ông cho rằng đạo cơ sở đầu tiên của vạn vật không phải là một thể đặc biệt cố định, mà là thực thể của khối hỗn độn, không có một tính quy định nào, ngoài tính chất khách quan, tự nhiên chất phác. Đạo



không bao giờ mất, nó tồn tại đầy khắp cả vũ trụ là đầu của trời đất, là mẹ của muôn vật. Nó là một thực thể, tồn tại một cách sâu kín sâu kín, mập mờ, không thống nhất hòa hợp giữa sáng và tối, không có hình dạng, không nhìn thấy, không nghe thấy, không nắm được. Sự tồn tại của Đạo chính là sự tồn tại của các sự vật, hiện tượng với sự biến hóa muôn hình vạn trạng của nó bởi thể đạo không phải là một sự vật, sự việc hữu hình nào đó mà nó là cái tất cả mọi vật từ đó sinh ra tồn tại tiềm ẩn dưới những thay đổi của vạn vật

Trong chương đầu của Đạo Đức kinh ông viết: “Đạo nói được không phải là đạo thường, danh gọi được không phải là danh thường”. Ông cũng nói: “ Đạo kín không tên” [ 26, tr. 208] nhưng từ xưa đến nay tên của nó không mất, nó là đầu của muôn vật. Lão Tử thường lấy nước để diễn đạt các trạng của Đạo, ông viết : “dưới trời không có gì mềm yếu trong nước mà công phá vật rắn mạnh thì không gì hơn được nó” [ 26, tr. 379]. Nước mềm mại không tranh chấp ganh đua, có thể làm vua các dòng nước vì khéo biết ở chỗ thấp. Trong đạo không có một ví dụ nào là không có hình ảnh của nước, nước len lỏi khắp mọi nơi có thể làm vua vì nó biết ở chỗ thấp, trăm dòng rót tới, trở thành biển cả rộng rãi bao trùm lên tất cả, chứa đựng tất cả.

*Mặt dụng* của đạo chính là công dụng, năng lực của nó. Đạo có sức sáng tạo vĩ đại, bao quát, ngự trị trái đất. Nhận được Đạo tắm tưới vạn vật hiển diện ra trong trái đất bằng muôn loài hình dạng khác nhau. Cái khoảng giữa trời đất, giống như ống bễ của người thợ rèn để diễn đạt năng lực của đạo, từ trong ống bễ, khi vận động vạn vật sinh sôi, nảy nở như hơi thoát ra từ ống bễ. Tuy đạo bao trùm che chở và nuôi dưỡng vạn vật nhưng nó không khoe khoang, ý thế mà cứ thân nhiên như không làm gì. Ở chương 37 ông nói “Đạo thường không làm nhưng không gì không làm.” [ 26, tr. 186]. Năng lực của đạo là ở chỗ không làm, yên tĩnh, nhưng thực ra không có gì mà đạo không làm, không có gì mà không cậy đến đạo để phát sinh, tồn tại và nuôi dưỡng.

Đạo chí công vô tư làm cái không làm, săn sóc cái không việc, nếm cái không mùi vị, các vị thánh nhân quân tử, các vị cai trị nên học hỏi điều đó từ đạo.

Một nội dung nữa trong Đạo của Lão Tử là tính chất lặng yên và trống không, đạo hết sức trống rỗng cùng cực, dữ lặng dốc một lòng, trở về gốc rễ gọi là yên lặng, trở về mệnh, là trở về đạo thường. Ông hay dùng từ “cốc thần” chỉ khoảng không giữa lòng hang sâu không hình không ảnh, không trái ngược, thấp hèn.

Phần quý giá trong triết học của Lão Tử đó là phép biện chứng chất phác. Ông cho rằng toàn bộ vũ trụ vạn vật do sự chi phối của đạo luôn trong quá trình vận động biến hóa không ngừng không nghỉ theo ông mọi sự vật hiện tượng trong vũ trụ đều bao hàm hai mặt đối lập dựa vào nhau, liên hệ, tương tác lẫn nhau: “thiên hạ đều biết tốt là tốt, nên có cái là xấu, đều biết lành là lành nên có cái là chẳng lành” [ 26, tr.41].

Ông đi đến khẳng định, chính sự liên hệ tác động giữa các khuynh hướng đã tạo sự biến đổi không ngừng giữa các vũ trụ chúng tuân theo một quy luật tất yếu –“Đạo”, ông viết “lưới trời lỏng lẻo, thưa mà khó lọt” [ 26, tr. 361]. Toàn bộ vũ trụ được chi phối bởi hai quy luật quân bình và phản phục. Quân bình là làm cho mọi thứ chuyển động, biến hóa trong trạng thái cân bằng. Phản phục là mọi sự vật đều phát triển theo chiều hướng đi lên đến độ chín muồi sẽ đối lập với chính nó.

Trong tư tưởng về phép biện chứng Lão Tử đã vạch ra được con đường vận động biến đổi của vũ trụ, của sự vật hiện tượng là khách quan. Chính sự liên hệ, tác động, chuyển hóa của các mặt đối lập làm cho sự vật phát triển. Với phát hiện này là điểm nhấn trong tư tưởng triết học của ông, với năng lực quan sát tinh vi, tư duy nhạy bén, sắc sảo đối với sự vật xung quanh. Thế nhưng ông vẫn chưa thấy được sự đấu tranh, phủ định, bài trừ lẫn nhau một cách biện chứng. Do đó mọi sự vật không có bước nhảy vọt, không có sự thay

đổi về chất. Tư tưởng biện chứng của Lão Tử đã vẽ nên đúng đắn bức tranh sinh động của hiện thực nhưng vẫn mang tính chất ngây thơ tự phát dựa trên kinh nghiệm trực quan cảm tính. Chưa có cơ sở để vạch ra bản chất bên trong của sự biến đổi đó. Đây là hạn chế của thời đại lịch sử.

## **1.2. HỌC THUYẾT VÔ VI CỦA LÃO TỬ - MẶT TÍCH CỰC VÀ HẠN CHẾ**

### **1.2.1. Cơ sở triết học của học thuyết vô vi**

Theo Lão Tử, Đạo là nguồn gốc của trời đất, là mẹ của vạn vật. Nó là cái vĩnh hằng, huyền bí và không thể giải thích được không kêu tên được. Có một vật hỗn độn nên sinh ra trước trời đất vừa trống không vừa lặng yên, đứng một mình không thay đổi, lưu hành khắp mọi nơi mà không mệt mỏi, là mẹ của cả thiên hạ. Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật. Lão Tử đếm vài con số rồi phán như thế, và ta hiểu ý của ông cho rằng không thể định nghĩa Đạo, nhưng Đạo có trước vũ trụ và Đạo là nguồn gốc của vũ trụ. Theo Lão Tử, trời đất muôn vật do Đạo mà sinh thành. Đạo là cái hỗn mang chưa phân, là cái nguyên thủy và là sự vận động hằng cửu mà ta không thể cảm, không thể biết. Đạo vô danh vô hình, là căn nguyên và cốt lõi của muôn vật. Muôn vật đều khởi đi từ Đạo, đi theo Đạo và quay về Đạo.

Đạo mang tính khách quan, chất phác, tự nhiên, thuần phác. Đạo hoàn toàn độc lập với ý muốn nguyện vọng của con người. Đạo sinh ra vạn vật nhưng không có ý chí, không có dục vọng và mục đích. Đạo sinh ra vạn vật nhưng không cho vạn vật là của mình. Nó vô tình coi vạn vật như loài chó rơm. Từ tính khách quan tự nhiên đó mà trời đất hóa sinh phó mặc tự nhiên, không can thiệp, chẳng có lòng nhân còn vạn vật cứ tự nhiên sinh sinh hóa hóa chẳng cậy tự nhiên. Đạo chứa trong nó cả duy vật và duy tâm và được biểu hiện ra qua sự vận hành của nó “ Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba,

ba sinh vạn vật” [ 26, tr. 211 – 212]. Ông muốn diễn đạt một cái mà Đạo hiện ra chứa đựng thái cực. Diễn đạt như vậy ông coi đạo là vô cực.

Theo Lão Tử vì không biết nguồn gốc vũ trụ tên gì nên tạm đặt tên là đạo. Chương 25 ông viết: Có một vật hỗn độn mà thành trước cả trời đất có thể coi nó là mẹ của vạn vật trong thiên hạ . Chương 52 ông nói rõ thêm: “thiên hạ có nguồn gốc, dùng làm mẹ của vạn vật” [ 26, tr. 250]. Ông không biết nó là con ai, có lẽ nó có trước thượng đế . Vậy Lão tử bác bỏ thuyết trời sinh ra vạn vật, mà có cái gì khác sinh ra vũ trụ, có trước thượng đế. Cái đó, ông không biết tên là gì, tạm đặt tên cho nó là “đạo” [ 26, tr.137]. Ông không tạo ra một tiếng mới mà dùng một tiếng cũ để diễn một ý mới. Chữ đạo mới đầu trở một đường đi, rồi sau trở cái lí phải theo, như khi người ta nói: đạo làm người, đạo làm con... sau cùng nghĩa mở rộng ra nữa là trật tự thiên nhiên. Lão tử có lẽ đã lựa chữ đạo để trở về bản nguyên của vũ trụ vì cái nghĩa sau cùng đó. Nhưng ông nhận rằng tên đó, ông dùng tạm vậy thôi vì không thể tìm được một tên nào thích hợp, và ngay cái bản nguyên của vũ trụ đó cũng không thể nào diễn tả được. Cho nên ông mở đầu Đạo Đức kinh bằng câu: Đạo mà có thể diễn tả được thì không phải là đạo vĩnh cửu bất biến, tên mà có thể đặt ra để gọi nó thì không phải là tên vĩnh cửu bất biến. Ông thú thật với ta rằng cái đạo đó huyền diệu vô cùng, vĩnh cửu bất biến, công dụng của nó vô biên, ông không hiểu biết nó được và chỉ có thể truyền cho ta ít điều ông suy tư về nó, để ta dùng trực giác mà lĩnh hội được phần nào thôi, chứ ông không chứng minh gì cả.

Toàn bộ vũ trụ do sự chi phối của đạo luôn trong quá trình biến hóa không ngừng, có sự liên hệ tác động của các mặt, khuynh hướng đối lập. Lão Tử cho rằng toàn bộ vũ trụ vạn vật do sự chi phối của đạo luôn trong quá trình vận động có những vật tiến lên phía trước, có những vật rơi lại phía sau, có những vật lớn lên, có những vật suy đi, có những vật đang hình thành, có

những vật đang đi tới chỗ tiêu diệt. Theo Lão Tử luật tuần hoàn của Vũ trụ là: mặt trời mọc rồi lặn rồi hôm sau lại mọc, trăng tròn rồi lại khuyết rồi đến rằm sau lại tròn lại, bốn mùa thay phiên nhau. Luật vận hành của đạo là trở lại lúc đầu, vạn vật trong thiên hạ từ có sinh ra, có lại từ “không” mà sinh ra. Đó là quy luật vĩnh cửu và bất biến Mọi sự vật đều bao hàm hai mặt đối lập như “ thiên hạ đều biết là đẹp, nên có cái xấu, đều biết thiện là thiện nên có cái là ác, hay họa là chỗ tựa của phúc, phúc là chỗ náu của họa [ 26, tr. 284].

Đạo của Lão Tử vạch một lối thoát cho những ai, là kẻ bất mãn thế cuộc nhiều nhưong, đầy cam bẫy như thời Xuân Thu - Chiến Quốc, có được một lẽ sống riêng, hợp với bản chất chân thật của mình. Đồng thời tránh được lối phản kháng bằng hành động phạm pháp cá nhân, hoặc bạo lực tập thể, khiến cho xã hội mà mình đã bất mãn càng thêm hỗn loạn, rối ren. Đó là giá trị về xã hội.

**Đặc tính của đạo và đức:** Đạo và Đức là hai mặt thể và dụng của Đạo vì đạo là thể của đức và đức là dụng của đạo, dụng của đạo chính là công dụng, năng lực của nó. Đạo có sức sáng tạo và ngự trị trời đất “ đạo sinh đó, đức nuôi đó, vật cho hình, sức mạnh làm nên, bởi vậy muôn vật tôn đạo, quý đức. Cho nên đạo sinh, đức chứa làm cho lớn lên và nuôi dưỡng đó [ 26, tr. 246]. Quan niệm về đạo và đức của Lão Tử thể hiện một trình độ khái quát cao của tư duy biện chứng khi giải quyết vấn đề bản nguyên thế giới. Đạo vốn không tên, đến đức tên mới bắt đầu có, vạn vật nhờ đức chứa mà không đồng đều, sinh ra đối chọi lớn nhỏ, nhiều ít. Do đó mới nói “ đạo mất rồi mới có đức , mất đức rồi có nhân , mất nhân rồi nghĩa sinh, mất nghĩa rồi có lễ”[ 26, tr. 192] Đạo Đức với nghĩa là đạo của trời, đức của trời, còn đạo đức của con người là vô vi. Đạo sinh ra vạn vật, Đức thì nuôi dưỡng vạn vật. Không có Đức, Đạo mất cân bằng. Mỗi vật đều có “đức” mà đức của bất kì vật nào

cũng là từ đạo mà ra, là một phần của đạo, cho nên đức mới nuôi lớn mỗi vật mà luôn luôn tùy theo đạo.

***Sự vận hành của đạo và đạo pháp tự nhiên:*** Sự vận hành theo đạo pháp tự nhiên là một quan điểm quan trọng bậc nhất của học thuyết Lão Tử, chương 25 có viết “Đạo pháp tự nhiên” có nghĩa là đạo theo tự nhiên, đạo với tự nhiên là một. Hãy để cho vạn vật được sinh ra được vận hành theo luật riêng, theo bản năng của nó, không nên can thiệp vào, khi can thiệp vào hậu quả sẽ khôn lường.

Đạo sinh ra nguyên khí, nguyên khí sinh ra khí âm và dương, khí âm và dương sinh ra trời, đất, người. Trời, đất, người sinh ra vạn vật. Đạo sinh ra một, một sinh ra hai, hai sinh ra ba, ba sinh vạn vật. Vạn vật đều công âm mà ôm dương, điều hòa bằng khí trùng hư. “ Có vật gì hỗn độn mà nên, sinh ra trước trời đất, vừa trống không đồ mãi mà khôn đầy, lưu hành khắp mọi nơi, dường như là tổ tông của mọi vật..”[ 26, tr. 51]. Đạo giàn giụa lan tràn khắp mọi nơi, không có chỗ nào mà không có đạo.

Đạo vận động trong hai mặt âm và dương, trong mọi vật đều có hai mặt âm và dương, kết hợp hai mặt tạo nên sự hài hòa của vũ trụ. Đạo được biểu hiện trong mọi sự vật, hiện tượng đang tồn tại biến hóa vô cùng vô tận. Đạo không chỉ là một sự vật hữu hình nào mà nó là tất cả mọi sự vật sinh ra. Đạo vừa duy nhất vừa thiên hình vạn trạng, vừa đứng yên, vừa biến đổi không ngừng.

Hai mặt âm và dương gắn bó với nhau, làm tiền đề cho nhau, có mặt này thì mới có mặt kia. Theo Lão Tử trong thế giới luôn tồn tại hai mặt. Nó bao hàm, liên hệ , tác động lẫn nhau, có ác sẽ có thiện, có xấu sẽ có đẹp cho nên có không cùng sinh ra nhau, khó dễ cũng làm thành nhau, dài ngắn cũng so sánh với nhau âm thanh cùng hòa trộn lẫn nhau trước sau cùng theo nhau và khi có họa thì là chỗ tựa của phúc và phúc là chỗ ẩn náu của họa. Theo ông vũ

trụ không hỗn loạn mà chúng tuân theo quy luật “Đạo” bất kì sự vật nào trong vũ trụ đều không đứng ngoài quy luật đó “ Lưới trời lồng lộng, thưa mà khó lọt”. [ 26, tr. 361]

Trong mỗi quan hệ giữa hai mặt đối lập, mặt này tất yếu sinh mặt kia khi đã phát triển lên cực điểm. Theo Lão Tử cái gì phát triển đến cực điểm sẽ mâu thuẫn với chính nó “ ít thì nhiều, nhiều thì mất” Cái gì phát triển đến tột đỉnh thì trở thành cái đối lập với nó, sự vật khi phát triển đến cực điểm các tính chất của nó thì những tính chất ấy sẽ đi ngược lại để trở thành tính chất tương phản. Ông viết “ ít thì lại được, nhiều thì lại mất” [ 26, tr. 124], vật hễ thêm nó thì nó bớt, bớt thì thêm và trong thiên hạ cái rất mềm thì làm chủ cái rất cứng. Các sự vật biến đổi theo vòng tuần hoàn tự nhiên của vạn vật, vạn vật cứ khi đầy khi vơi, lúc sinh lúc tử, vòng biến đổi ấy là bất tận.

### **1.2.2. Nội dung cơ bản học thuyết vô vi – Mặt tích cực và hạn chế**

Vô Vi là học thuyết triết học-đạo đức của người Trung Hoa cổ đại đã được Lão Tử phát triển lên thành học thuyết về nghệ thuật sống của người trong sự hòa nhập với tự nhiên. Quan niệm Vô Vi là tư tưởng triết học độc đáo và đặc sắc của Đạo gia. Vô vi là khuynh hướng đưa con người trở về nguồn gốc để sống với tự nhiên, tức hợp thể với Đạo. Vô Vi là không làm gì theo nghĩa đen. Nếu “Vô Vi” không làm gì cả thì Lão Tử không viết ra Đạo Đức Kinh làm gì. Đạo đức kinh viết ra là để cho bậc trị nước. Vì mục đích hỗn loạn của thời kì chiến quốc vô cùng thâm trọng, như Khổng Tử, Mặc Tử cùng các pháp gia của thời ấy, Lão Tử cũng cố ý để đưa ra một giải pháp “An bang tế thế”, ông nhận thấy rằng : “dân đói, là trên bắt thuế nhiều... dân là khó trị, là vì trên dùng đạo hữu vi..” [ 26, tr. 368]. Vô vi không phải là không làm gì cả, mà dùng làm cái gì đến thái quá, vì cái gì mà thái quá cũng đều nguy hại cả. Mục đích của bất cứ một hành vi nào là cũng để đi đến một kết quả. Nhưng nếu lại đi vào chỗ thái quá, thì kết quả có khi lại còn nguy hiểm

cho ta hơn là không làm gì cả. Cho nên vô vi, cũng có nghĩa là bớt đi những gì thái quá. Theo Lão Tử, thì phải để cho con người trở về với cái sống tự nhiên giản dị của họ... Cho nên vô vi là đừng dụng tư tâm mà xen vào cái sống tự nhiên của mọi vật, càng ít can thiệp đến việc của tự nhiên bao nhiêu thì càng quý bấy nhiêu.

Vô vi là hoạt động một cách tự nhiên, không làm trái với quy luật tự nhiên, không can thiệp vào guồng máy của tự nhiên, không hoạt động có tính giả tạo gò ép, không thái quá và bất cập. Ông viết “ Đạo thường không làm gì mà không gì không làm, bậc hầu vương nếu giữ được đạo, vạn vật sẽ tự mình chuyển hóa... không ham muốn để được yên” [26, tr. 186]

Có thể nói học thuyết của Đạo Lão Tử là học thuyết Vô vi. Theo ông vạn vật khi đã phát triển đến cực điểm thì bị hạ dần dần cho đến khi trở về vô vi. Vô vi là chung cực của một giai đoạn mà cũng là khởi điểm của giai đoạn sau, nó còn là “bản thủy của trời đất”. Vô không có nghĩa là hoàn toàn không có gì, vô là vô sắc, vô thanh, vô hình đối với cảm quan của ta. Vô sinh ra hữu, rồi hữu trở về vô vi. Vô Vi là không làm mất cái đức tự nhiên, thuận phát vốn có của sự vật không ý chí, dục vọng, không ham muốn những gì trái với bản tính tự nhiên của mình và của vật. Nếu can thiệp vào guồng máy tự nhiên sẽ mang lại những tai họa: “ năm màu làm cho mờ mắt, năm giọng làm cho điếc tai, năm vị làm cho miệng chán...” [26, tr. 80]. Như vậy Lão Tử chủ trương huỷ bỏ mỹ nghệ, nghệ thuật, là những sản phẩm của văn minh. Lão tử để cho con người trở về với chất phác, không sa đoạ, tranh nhau. “Vô Vi”, không chỉ là sống tự nhiên thuận phát, không ham muốn dục vọng mà còn không cần đến tri thức, văn hóa, kỹ thuật và cả sự tiến bộ xã hội. Ông nói: “Trí tuệ sinh có đối trá” [26, tr. 106]. Tư tưởng Vô Vi còn chống lại những chuẩn mực đạo đức và thể chế pháp luật. Ông coi đó là sự áp đặt, cưỡng chế, can thiệp vào bản tính tự nhiên của con người. Còn tất cả những cái gọi là nhân, nghĩa, lễ,



trí theo Lão Tử chỉ là giả tạo trái với tự nhiên. Vô Vi là bảo vệ, giữ gìn bản tính tự nhiên của mình, của vật không trái với đạo tự nhiên và không dám đứng trước thiên hạ cho nên tự nhiên, thuận phát, không áp chế nhau, không ai hơn không ai kém.

Đạt tới Vô Vi có thể làm cho con người tuyệt vời. Họ huân hòa mình vào khoảng không nhưng vẫn biết dành cho người khác. Họ biết giảm ánh sáng của mình để tràn vào bóng tối của người khác. Họ ngập ngừng như kẻ phải lội qua sông trong mùa đông, lưỡng lự như kẻ e ngại người láng giềng, run rẩy như tuyết sắp tan, giản dị như miếng gỗ chưa đẽo và bất dạng như nước: “bậc toàn thiện xưa tinh tế, nhiệm màu, siêu huyền thông suốt, sâu chẳng khả giò...thận trọng như dờng qua sông lạnh, do dự giường sợ bốn bên, nghiêm kính giường khách lạ, chảy ra giường băng tan, quê mùa giường gỗ chưa đẽo gọt, pha lẫn giường như nước đục” [ 26, tr.93].

Đối lập với chủ trương hữu vi Lão Tử đề cao đường lối trị nước theo đạo Vô Vi. Ông nói “Ta vô vi mà dân tự hóa. Ta ưa tịnh mà dân tự chính. Ta vô sự mà dân tự giàu. Ta không dục vọng mà dân chất phác” [26, tr. 277]. Bởi vì “Vô Vi thì không gì không làm... thường dùng Vô Vi mà được thiên hạ. Bằng dùng thì không lấy được thiên hạ” [26, tr. 232]. Trị nước theo đạo Vô Vi, Lão Tử chủ trương xóa bỏ mọi lễ giáo, pháp thuật, văn hóa, kỹ thuật bỏ tất cả những gì trái với tự nhiên. Trái lại nếu trị nước mà làm như dụng binh, dùng trá ngụy mà trị thì nguy, vì “lấy trí mà trị nước, là cái vạ cho nước”. Huống chi bậc trị nước mà ban hành nhiều điều cấm kỵ thì dân chúng càng nghèo khổ, bởi thiếu tự do hành động và ngôn ngữ mà dân chúng trở nên đa mưu xảo kế để trục lợi thì nước nhà phải sa vào hỗn loạn tăm tối. Người dân cần thực thà, ít dục vọng, thì nước mới dễ trị. Bậc trị nước mà quá khát khe, đem pháp lệnh mà áp đặt trên đầu dân để đề phòng, thì chúng dân cũng tìm đủ mách khéo thủ đoạn để trốn tránh, gây ra mưu mô gian trá càng ngày càng

thêm, dân càng khó trị thì bọn đạo tặc càng nhiều. Dùng vô vi mà trị thì ít can thiệp đến việc người, không dùng tư tâm mà hành động, dùng “bất ngôn chi giáo” mà dạy dân, lấy gương mẫu của mình mà sửa dân thì dân không hay là mình có làm gì, nhưng rồi chúng tự sửa đổi lấy mình mà không cần đến sự bắt buộc hay cấm đoán, ban hành pháp lệnh: “Ngã vô vi nhi dân tự hóa”. Chính phủ yên tĩnh vô vi thì dân sẽ biến thành chất phác. Chính phủ tích cực làm việc thì dân đầy tai họa. Theo Lão Tử hành động hay nhất là dùng can thiệp đến việc đời, nhưng nếu đời cần ta phải làm thì ta hãy làm cái không làm một cách kín đáo, không toan tính. Còn ngày nay các nhà cầm quyền vì bày vẽ quá nhiều luật pháp, lễ nghi, hình thức, nên đã làm cho dân con mắt thiên chân thiên tính, để rồi chạy theo những văn minh, những kiến thức kiến văn giả tạo bên ngoài. Những cái đó không đem lại hạnh phúc, an bình cho con người được, trái lại chúng chính là mầm loạn lạc mất long tin ở nhân dân. Vì thế, cho nên theo Lão Tử chủ trương không can thiệp vào đời sống dân, để mọi thứ diễn ra một cách tự nhiên, không khống chế.

Lão Tử lên án mạnh mẽ giai cấp đương thời và phản đối những hiện tượng bất bình đẳng trong xã hội do sự áp bức bóc lột của bọn quý tộc và nền sản xuất hàng hóa gây nên. Ông đòi giai cấp thống trị phải tuân theo quy luật tự nhiên không được can thiệp vào đời sống tự nhiên của con người, đưa xã hội và con người trở về trạng thái tự nhiên, nguyên sơ chất phác, không ham muốn, không dục vọng, không thể chế pháp luật, không bị ràng buộc bởi các nguyên tắc luân lý đạo đức, không cần trí xảo mà tuân theo bản tính, khả năng, sở thích tự nhiên của mỗi người và để mỗi người tự làm những việc cần phải làm một cách tự nhiên. Hơn thế nữa, Lão Tử còn chủ trương đưa đức tính con người trở lại với thời kì trẻ thơ, hồn nhiên, chân chất, vô dục.

Lão Tử coi vô vi là để dân thuận theo tự nhiên mà sống, không can thiệp vào đời sống của dân, nhưng vẫn coi chừng, ngăn ngừa dân có lòng dục, vẫn

giữ chính phủ, chỉ giảm tới mức tối thiểu thôi. Trang Tử cho như vậy chưa đủ, phải bỏ chính phủ đi, để cho dân hoàn toàn tự do, cứ theo bản năng mà sống, vì dân tự biết cái họa để tránh, không ai được theo ý mình mà ép buộc dân, Vô vi là sống và hành động theo lẽ tự nhiên, thuần phác, không giả tạo, không gò ép trái với bản tính của mình và ngược với bản tính của tự nhiên là từ bỏ tính tham lam, vị kỷ để không làm mất đức. Chỉ khi nào từ bỏ được thói tư lợi thì mới nhận thấy đạo, và chỉ khi nhận thấy đạo mới có thể vô vi được.

Còn theo Hàn Phi thì có quan niệm về vô vi là vua chỉ trị quan lại, chứ không trị dân, bắt quan làm hết, mình không làm gì cả, mà muốn vậy thì phải đặt ra hình pháp nghiêm khắc, dùng thuật để bắt quan lại và dân phải làm theo đúng ý mình, không dám phản mình. Như vậy hiểu theo Lão tử là cực hữu vi, chứ không phải vô vi.

Vô vi còn được hiểu với ba nội dung chính: thứ nhất Vô vi là làm cái đạo Vô Vi, không dung tư tâm , tư lợi mà can thiệp vào những thứ khác. Thứ hai Vô Vi là làm như không làm tức là làm một cách tự nhiên, kín đáo, làm như cái làm của thái dương, thái dương xạ ánh sáng mặt trời xuống trái đất cho trăm hoa đua nở, cây cối tươi tốt nhưng cảnh vật không biết mình vì được thọ ánh sáng mặt trời mà sinh sôi nảy nở, cái làm sáng của thái dương là vô vi. Thứ ba Vô Vi là làm mà không mắc trong cái mình làm tức là khi làm một việc gì đó chúng ta đều mong đến một kết quả nhất định, nên mới dẫn tới các hành động, vì kết quả mà bắt chấp các thủ đoạn hành vi, người hiểu đạo, hiểu vô vi tức là không chấp một lẽ phải tuyệt đối nào cả, bảng giá trị luân lý nào cũng chỉ là ở thể tương đối cả.

Lão Tử mơ ước trở lại đời sống chất phác của thời đại công xã nguyên thủy, không thể chế, không có chế độ tư hữu và trao đổi hàng hóa sống tự cấp tự cung. Đó là cảnh mộc mạc “ Vô danh chi phác” như đạo vô danh của ông “ Nước nhỏ, dân ít. Dù có khí cụ gấp trăm gấp chục sức người cũng không

dùng đến, ai nấy đều coi sự chết là hệ trọng nên không đi đâu xa. Có xe thuyền mà không ai ngồi. Có gươm giáo mà không bao giờ dùng. Bỏ văn tự, bắt người ta trở lại dùng lối thắt dây ghi dấu thời thượng cổ. Ai nấy đều chăm chú vào việc ăn no, mặc ấm, ở yên, vui. Theo Lão Tử sinh vật càng nhỏ, càng thấp như con sâu thì đời sống càng đơn giản, chất phác. Cũng như loài người thời nguyên thủy, sơ khai thì xã hội đơn giản, tính tình chất phác. Càng ngày con người ta càng hóa ra mưu mô, xảo quyệt, gian trá, đời sống càng ngày càng rắc rối, tổ chức xã hội càng phức tạp mà sinh ra loạn lạc, chiến tranh. Từ đó mà ông nhận xét loài người cũng như vạn vật do đạo sinh ra đều phải giữ được chữ Phác thì mới có hạnh phúc, mới hợp đạo với phong tục của mình. Ở nước này có thể nghe thấy gà gáy, chó sủa của nước kia, nhân dân trong những nước ấy đến già chết mà vẫn không qua lại đánh nhau.

Xã hội lí tưởng đó tưởng như dã man mà thực ra cực văn minh, vì biết cái hại của văn minh mà tự ý từ bỏ nó có thuyền xe mà không ngồi, có binh khí mà không dùng, chứ không phải là chưa tới trình độ chúng ta gọi là văn minh. Cũng như một người giàu có chán ghét đời sống vật chất xa xỉ, có hại cho tâm hồn, mà trở về đời sống giản dị, đạm bạc của người nghèo chứ không phải là chưa biết cảnh phú quý.

Làm theo Vô Vi là cách làm đổi thay tình thế sự việc rất cách mạng, không phải ai cũng làm được, người bình thường không chắc sẽ làm được điều đó. Phải là những người đã vượt qua được chính mình là người không quan tâm đến tiền tài, danh vọng, chức quyền, gột rửa hết tâm tư, tư dục mới có thể làm được. Người theo vô vi là người hy sinh lợi ích bản thân vì lợi ích xã hội, không khuất phục trước quyền uy nào cả, vì họ là đạo. Có người nói rằng vô vi là quan niệm trước xã hội, trước bất công đều tỏ ra an phận là hết sức sai lầm, không đúng với cách hiểu của Lão Tử muốn đề cập. Còn một nghĩa nữa là vô vi là làm như không làm, ông coi thường những giá trị về vật

chất, công danh, triều đình nhiều lần mời ông ra làm quan nhưng Lão Tử đều từ chối để chứng minh cách sống và học thuyết vô vi của mình. Ông còn cho rằng sống theo đạo vô vi là ngay bản thân mình cũng không tính, không lo lắng cho nó, cứ thân nhiên mà sống như chẳng có chuyện gì. Ông là nhà đại cách mạng về tư tưởng, ông đã đề xuất và phản đối lại nhân, lễ, nghĩa, trí, tín của Khổng Tử, ông trọng đạo đức và khinh nhân nghĩa.

Vô vi đưa con người về thời trẻ thơ, ngây thơ như trang giấy trắng, đưa dân trở lại với thời kì không biết chữ, giản dị, tự nhiên, vô tội. Con người lí tưởng là trở về với vô vi như là mọi người thì biết hết, còn mình thì không biết gì nhưng lại thấu suốt mọi lẽ tự nhiên, sống hòa hợp với tự nhiên không bất mãn, tự thỏa mãn với bản thân mình, không phô trương với mọi người, không thái quá hay bất cập với ai cả.

Học thuyết vô vi của Lão Tử có giá trị bền vững theo mọi thời đại. Không chỉ các nước Châu Á lân cận mới nghiên cứu tư tưởng của Ông mà nó lan tràn sang cả Châu Âu. Lúc đầu họ nghiên cứu với tính chất tò mò nhưng sau đó nắm bắt được những mặt tích cực sau đây nên các nhà nghiên cứu thay đổi cách nghĩ.

Lão Tử đã nhìn ra quy luật khách quan của vạn vật. Cơ sở đầu tiên của vạn vật là khách quan, không có sự quy định nào. Từ đạo với tư cách là bản thể vũ trụ, hình thành nên mọi vật theo đó con người ta phải sống hợp với đạo, với quy luật tự nhiên, không đi ngược lại với vô vi. Lão Tử khuyên con người nên thực hiện vô vi nhi trị, không đi ngược lại với quy luật tự nhiên như sau này trong Biện chứng của tự nhiên Ăngghen đã khẳng định: con người không thể thống trị giới tự nhiên như một kẻ xâm lược đi thống trị nước khác. Đi ngược lại với quy luật sẽ phải nhận những hậu họa khó lường. Vô vi có thể làm cho con người sống với nhau có tình nghĩa, luôn vì người khác, sống không tranh giành, hám lợi quá mức.

Tư tưởng vô vi của Lão Tử giúp con người nhận thức tự nhiên, xã hội và ứng xử phù hợp với quy luật của tự nhiên, không đi ngược với tự nhiên và sự phát triển của xã hội. Đồng thời, giúp con người nhận thức bản thân mình trong mối quan hệ với đời sống tâm linh, giúp con người cân bằng tâm hồn mình trong cuộc sống xã hội ngày nay với bao phức tạp và lòng tham. Vô vi là kỹ năng làm cho mọi sự trông có vẻ dễ dàng. Nó là nghệ thuật hành động hoàn toàn không tự ý thức. Vô vi là sống tự tin và hồn nhiên, trong trạng thái vô vi, làm mà như không làm.

Vô vi còn chống lại những chuẩn mực đạo đức, thể chế pháp luật. Lão Tử coi như vậy là cưỡng chế, can thiệp vào bản tính tự nhiên, điều đó dẫn tới giả dối và ác độc. Ông lên án mạnh mẽ giai cấp thống trị trong xã hội đương thời về sự bóc lột tàn độc của chúng. Ông đòi giai cấp thống trị phải tuân theo quy luật của tự nhiên, không được can thiệp vào đời sống tự nhiên của con người.

Từ đạo ông đưa nâng lên thành nghệ thuật sống của con người đó là: Từ ái, khiêm nhường, tri túc, tri chi. Ở chương 67, Đạo đức kinh Lão Tử nói “ Ta có ba vật báu hằng nắm giữ và ôm ấp, một từ ái hai là kiệm ba là không giám đứng trước thiên hạ” [ 26, tr. 338-339]. Từ ái nên không thể ép buộc sự vật, sống trong thế giới có tình thương yêu, nhân hậu với thế giới. khiêm nhường nên không thái quá, không đắc ý, tự phụ, không đi ngược với đạo tự nhiên, không đứng trước thiên hạ là không tự kiêu tự đại vẫn tự nhiên, thuận phác, không áp chế.

Lão Tử dặn đừng làm cái gì thái quá, và nhắc ta cố giữ ba vật báu : Lòng từ ái, tính kiệm ước.

Từ đạo ông đề ra học thuyết vô vi với các vấn đề nhân sinh, chính trị , đạo đức hết sức đặc sắc. Những tư tưởng bình đẳng không phân biệt sang hèn, cao thấp,giàu nghèo, yêu tự do, ít can thiệp vào đời sống riêng của dân

chúng, trọng hoà bình, không tranh giành, gây hấn với nhau, mà nhường nhịn nhau, tấm lòng khoan dung, thương kẻ nghèo “ai là người có dư mà cấp thêm cho người thiếu thốn trong thiên hạ đâu?” [ 26, tr. 376] và nếp sống tự nhiên, giản dị, tri túc, thanh tĩnh... đó mới là những giá trị nhân bản rất cao, bất kì một triết gia chân chính nào cũng muốn hướng tới. Chúng có một sức mạnh thu hút tấm lòng nhân đạo cao cả của mọi người. Sức hấp dẫn của học thuyết Lão Tử chính là ở chỗ đó.

Một học thuyết của bất kì nhà chính trị nào cũng sẽ bao hàm cả mặt tích cực và hạn chế là điều không thể tránh khỏi. Lão Tử cũng không nằm ngoài điều đó. Do hạn chế về mặt lịch sử cũng như thời đại cho nên trong quan niệm về thế giới về chính trị xã hội cũng có cái nhìn tiêu cực như: Theo Lão Tử thì phải để cho con người trở về với cái sống tự nhiên giản dị của họ. Cho nên Vô Vi là đừng dụng tư tâm mà xen vào cái sống tự nhiên của mọi vật, càng ít can thiệp đến việc người được bao nhiêu càng quý bấy nhiêu. Nếu mà như vậy thì bỏ mất sự cạnh tranh, loài người sẽ không phát triển và đạt được những thành quả có lợi cho loài người.

Lão Tử chủ trương vô vi nhưng lại đề nghị xoá bỏ văn minh đi. Không thể xoá được. Đó là tiến trình đi lên của lịch sử và là có lợi cho loài người, bất kì xã hội loài người nào cũng đi từ tiến trình dã man đến văn minh.. Phá huỷ hết từ lâu đài, cầu cống, đồ dùng, máy móc, tới sách vở, chữ nghĩa vải vóc, xe, ngựa.. nếu được đi nữa, thì sống như người nguyên thủy trong một thời gian, con người sẽ tìm tòi, phát triển, lần lần tạo nên một nền văn minh mới. Như vậy là không thực tế. Triết lí khiêm nhu, bắt tranh rất có hại, đưa tới sự diệt thân, diệt chủng. Nếu loài người không có sự cạnh tranh sẽ không có sự xuất hiện nền văn minh nào cả. Nó cũng trái với tự nhiên, với bản năng tự vệ của con người. Muốn hoàn toàn theo tự nhiên, theo đạo thì phải tán thành tự do cạnh tranh, vì luật cạnh tranh để sinh tồn là một luật tự nhiên. Đó cũng là

một hạn chế của ông. Quan điểm về nhận thức của Lão Tử mang đậm màu sắc chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm, thông qua đạo và chỉ dựa vào đạo không cần kiểm nghiệm qua thực tiễn. Đạo vĩnh cửu thì không làm gì mà không gì không làm, bậc vua chúa giữ được đạo thì vạn vật sẽ tự biến hóa. Trong quá trình biến hóa, tư dục của chúng phát ra thì ta dùng cái mộc mạc vô danh mà trấn áp hiện tượng đó, khiến cho vạn vật không còn tư dục nữa. Không còn tư dục mà trầm tĩnh thì thiên hạ sẽ tự ổn định.

Ông coi thường tri thức, cái mới, khoa học, vì ông cho rằng nó có hại với đạo. Ông chủ trương “dứt thánh bỏ trí”, “tuyệt học vô ưu”, về với đức tính trẻ thơ. Loài người không chỉ có nhu cầu ăn no mặc ấm, mà còn có nhu cầu ăn cho ngon, mặc cho đẹp, hiểu biết thêm, sáng tạo ra một cái gì. Bào người trị dân chỉ nên làm cho dân “hư lòng, no dạ, yên chí, mạnh xương” [26, tr. 47] là không cần nhân tình. Xã hội mà Lão Tử sống loạn lạc, nhân dân trăm họ lầm than trong đói khổ, chiến tranh, loạn lạc, thân phận con người rẻ rúng, bèo bọt, chết chóc tang thương đầy đường. Lão Tử thấy cái hại của văn minh, của chính sách hữu vi quá đáng, nên ông phải động lại, bảo cứ theo cái hướng cũ thì xã hội sẽ loạn thêm, phải đổi hướng đi, và ông chỉ cho ta cái hướng ngược lại: phải sống đơn giản, bớt dục vọng, xảo trá, mà nhường nhịn nhau, đừng tranh giành nhau, tôn trọng tự do của muôn dân trăm họ.

Còn đối với thời đại ngày nay thì học thuyết vô vi của Lão Tử dễ bị người ta mượn cớ trốn tránh trách nhiệm, nhất là những người công chức ăn lương nhà nước, lại có tâm lý tiêu cực, họ bảo nhau: “Ít làm ít lỗi, không làm thì không có lỗi”. Với tâm lý đó lại đem sự phát triển của xã hội đi thụt lùi so với sự phát triển của lịch sử. Cũng chính do sự ảnh hưởng của tư tưởng này mà con người phương Đông thường thụ động hơn người phương Tây, không có ý chí chinh phục, cố gắng để đạt được mục tiêu đề ra. Mọi sự vật, hiện tượng đều thường được đánh giá một cách trực quan rồi gán ghép cho nó rằng



khó hay dễ, hành động một cách tự nhiên không suy tính, từ đó gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng, hoặc kết quả đạt được không như mong muốn, gây ra những vấn đề không thể giải quyết ngày một ngày hai, có khi phải qua từng thế hệ. Tư tưởng tự phát và mặc mạc: theo vô vi, sống lý tưởng là sống mặc mạc, không tham vọng và thoát ra ngoài mọi ham muốn. Tuy nhiên, trạng thái thoát khỏi mọi ham muốn đó có thể bị lâm nguy vì giáo dục: mức độ gia tăng tri thức có khuynh hướng đưa tới gia tăng lòng ham muốn và tham vọng. Bởi thế, trong vô vi có triển khai một bộ phận tư tưởng chống lại sự thăng tiến tri thức và giáo dục.

**Tóm lại**, vô vi là hành động trở về nguồn cội, từ bỏ tất cả những gì phiền phức đa đoan của văn minh giả tạo đã làm che lấp chân, thiện, mỹ, cái đạo nơi lòng con người. Vô vi là thế giới quan để con người soi vào đó học tập và sinh sống cho phải đạo. Trong cuộc sống hiện đại khi các giá trị đạo đức xuống cấp thì mọi người soi vào đó để xét lại bản thân mình. Vô vi là sống theo lẽ tự nhiên, đi cùng với quy luật của tự nhiên. Không tràn lan phá hủy môi trường tự nhiên như hiện nay, môi trường xã hội thì ngày càng xuống cấp do ý thức của mỗi người dân. Theo học thì ngày một thêm, còn theo đạo thì càng ngày càng bớt, bớt rồi lại bớt nữa, bớt cho đến vô vi. Tuy nhiên, đạo vô vi không phải là không làm gì cả, mà thực sự: “Vi vô nhi vô bất vi” nghĩa là không làm mà không có gì là không làm, làm một cách hết sức tự nhiên và kín đáo, đem cái tự nhiên mà giúp một cách tự nhiên, không tư tâm, không vị kỷ. Người thi ân không biết là thi ân, người thọ ân cũng không dè là thọ ân. Bậc trị nước mà dùng đến cái đạo vô vi, dân không hay là mình bị trị dĩ nhiên được thiên hạ, mà tự mình cũng không bao giờ bị hại. Với tư tưởng về đạo, về phép biện chứng chất phác cũng như quan điểm Vô Vi của Lão Tử thực sự đã trở thành viên ngọc của nền triết học phương Đông. Trong cái “mập mờ thấp thoáng” mơ hồ nhưng luôn chói sáng tính chất cời mờ, vạch đường tư tưởng

của ông đáng làm người đời phải kinh ngạc và than phục trước sức mạnh tư duy độc đáo của ông. Tuy vẫn còn nhiều hạn chế thiếu sót do hạn chế về lịch sử nhưng chúng ta phải nghiêng mình trước di sản triết học của ông. Thế hệ sau duy trì được tư tưởng của ông để vận dụng vào giáo dục ý thức bảo vệ môi trường là một vấn đề khó, không phải một sớm một chiều có thể làm được vì khi đánh vào ý thức môi trường của mỗi người đã khó, thay đổi một thói quen sống của cả cộng đồng lại khó hơn.

Mỗi một tư tưởng từ khi ra đời, tồn tại và có thể trường tồn đến mọi thời đại đều có giá trị đặc biệt quan trọng. Với học thuyết vô vi của Lão Tử về ứng xử với tự nhiên, về đạo làm người trong xã hội đã có giá trị xuyên suốt hàng thiên niên kỉ và nhất là đối với tình hình môi trường hiện nay thì học thuyết đó lại càng vô cùng quan trọng. Con người chúng ta đang bất lực trước các vấn đề về môi sinh, về môi trường xã hội, con người tìm lại những tư tưởng thời cổ đại để khắc phục, để tìm ra lối thoát cho thực tại, tư tưởng của Lão Tử là một trong những tư tưởng đặc sắc để kế thừa, để từ đó tìm ra những biện pháp đưa môi trường tự nhiên, môi trường xã hội trở lại ổn định. Để đưa một tư tưởng vào áp dụng thực tiễn và làm cho thay đổi được nhận thức hiện tại là một điều khó, cần có thời gian tác động và tác động đúng hướng. Để đưa tư tưởng vô vi của Lão Tử vào thực tiễn môi trường nước ta là cả một quá trình dài .

## **CHƯƠNG 2**

### **VẬN DỤNG HỌC THUYẾT VÔ VI CỦA LÃO TỬ VÀO VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NƯỚC TA HIỆN NAY**

#### **2.1. VAI TRÒ CỦA MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN ĐỐI VỚI SỰ TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI**

Khái niệm môi trường được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, môi trường tự nhiên và vật chất nhân tạo, môi trường xã hội, môi trường giáo dục trong phạm vi đề tài người viết đề cập đến môi trường tự nhiên và vật chất nhân tạo.

Môi trường là các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo có quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và tự nhiên.

Như vậy, môi trường trước tiên bao gồm các yếu tố tự nhiên như : bầu khí quyển, song tự nhiên, hồ tự nhiên, biển, đồi , núi, rừng, cây..đã xuất hiện và tồn tại hàng nghìn năm, hàng triệu năm trước đây, là tài sản sẵn có của tự nhiên dành cho con người.

Môi trường cũng được hiểu là các yếu tố do con người tạo ra, gọi là yếu tố vật chất nhân tạo như: công viên, sông đào, kênh đào, hồ ao, các công trình thủy lợi, hệ thống đường giao thông, nhà máy, khói bụi và chất thải từ nhà máy..

##### **2.1.1. Vai trò môi trường tự nhiên**

Môi trường tự nhiên, hay còn gọi là môi trường sinh thái là điều kiện thường xuyên và tất yếu đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội. Môi trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống con người và sinh vật, đối với sự phát triển kinh tế , văn hóa - xã hội của đất nước và của toàn nhân loại. Môi trường trong sạch lành mạnh là điều kiện vô cùng cần thiết cho sức khỏe,

cho việc duy trì và phát triển nòi giống con người và sinh vật. Môi trường được giữ gìn, tạo ra những tiền đề vật chất cần thiết, an toàn cho sự phát triển các ngành sản xuất kinh doanh, giúp cho việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Môi trường là nơi sinh sống và hoạt động của con người, nơi tồn tại của xã hội. Giữa xã hội và tự nhiên thường xuyên diễn ra trao đổi vật chất. Sự trao đổi đó được thực hiện trong quá trình lao động sản xuất. Điều kiện tự nhiên là yếu tố thường xuyên, tất yếu đối với sự tồn tại, phát triển của xã hội tuy nó không phải là yếu tố chính quyết định đến sự phát triển của xã hội. Trong thế giới tự nhiên động vật và thực vật, con người đã khai thác nguồn dinh dưỡng và nguyên liệu chế tạo ra tư liệu tiêu dùng, còn từ những tài nguyên khoáng sản con người đã chế tạo ra tư liệu sản xuất.

Con người chỉ có thể tồn tại trong môi trường tự nhiên và xã hội, con người nhờ lao động mà có khả năng chi phối các quá trình tự nhiên theo mục đích của mình. Con người và xã hội loài người không thể tồn tại được ngoài tự nhiên hoặc thiếu những tiền đề tự nhiên. Để tồn tại con người, con người và xã hội phải dựa vào tự nhiên, phải dựa vào dòng vật chất do tự nhiên cung cấp cho xã hội loài người.

Trong lịch sử, con người đã sử dụng những nguồn năng lượng khác nhau, thời kì đầu sử dụng sức gió, sức nước, sau là sức hơi nước, điện năng lượng của các quá trình hóa học, vật lý... Có thể nói rằng con người không thể tìm ở đâu những thứ cần thiết cho sự tồn tại của mình ngoài giới tự nhiên. Những trình độ khác nhau, mức độ ảnh hưởng của tự nhiên đối với xã hội cũng khác nhau. Ở trình độ mông muội con người chỉ biết hái lượm những thứ có sẵn trong tự nhiên, hầu như họ bị tự nhiên thống trị, cuộc sống của họ phụ thuộc vào tự nhiên. Ở trình độ văn minh cao hơn, nhất là khi khoa học kỹ thuật phát triển thì con người đã từng bước chế ngự được tự nhiên, biết khai

thác tự nhiên, phục vụ cho nhu cầu của mình. Nhiều ngành nghề được hình thành từ những điều kiện sẵn có của môi trường tự nhiên như: Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, các ngành khai thác...song nhìn chung, môi trường tự nhiên vẫn giữ vai trò to lớn trong việc tổ chức, phân công lao động, phân bố lực lượng sản xuất và vẫn tạo điều kiện thuận lợi hoặc gây khó khăn cho quá trình sản xuất, do đó ảnh hưởng đến năng suất lao động, đến tốc độ phát triển của xã hội.

Khi con người bất chấp quy luật, vi phạm những nguyên tắc đảm bảo cho sự phát triển bền vững, biến khai thác thành chiếm đoạt tự nhiên thì môi trường tự nhiên không phải chỉ gây khó khăn cho quá trình sản xuất nữa mà còn đe dọa đến sự sống còn của toàn xã hội. Biểu hiện trước sự đe dọa đó là sự khan hiếm và cạn kiệt dần các nguồn tài nguyên thiên nhiên như: Rừng, đất, nước ngọt, động vật, thực vật, khoáng sản...là nạn ô nhiễm nặng nề của môi trường sống, là các hiện tượng hiệu ứng nhà kính, thủng tầng ozôn, sa mạc hóa...

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng trên, song nguyên sâu xa nhất thuộc về chế độ xã hội. Chủ nghĩa tư bản với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, với quy luật cạnh tranh tự do và bóc lột giá trị thặng dư đã từng tận dụng một cách triệt để những thành tựu của nền văn minh công nghiệp để bóc lột con người, bóc lột giới tự nhiên nhằm mang lại lợi nhuận tối đa trước mắt, bất chấp những quy luật phát triển của tự nhiên. Để điều này có thể trở thành hiện thực, con người phải không ngừng nâng cao nhận thức về tự nhiên, xây dựng ý thức sinh thái, đặc biệt là đạo đức sinh thái để kết hợp mục tiêu kinh tế với mục tiêu sinh thái, đảm bảo cho hệ thống tự nhiên xã hội phát triển bền vững.

Như vậy có nhiều cách tiếp cận khác nhau đối với vấn đề môi trường sống. Trong đó cách tiếp cận triết học xã hội cho phép chúng ta có cách nhìn

bao quát sâu sắc và toàn diện hơn đối với mỗi quan hệ giữa con người , xã hội và tự nhiên, hiểu được bản chất cũng như sự diễn biến của các mối quan hệ đó trong suốt quá trình lịch sử. Vấn đề này cũng đã được Lão Tử đặt ra hàng mấy thế kỉ ở một khía cạnh nào đó chúng ta có thể tìm hiểu và kế thừa. Không làm trái với quy luật tự nhiên, đi ngược lại với sự sắp đặt của vũ trụ, của quy luật. Lão Tử khuyên chúng ta nên sống hài hòa với tự nhiên, dựa vào tự nhiên. Để con người có những bước khai thác tự nhiên theo đúng nghĩa, vừa có lợi cho loài người vừa không vi phạm vào quy luật.

Bên cạnh đó những nguyên lý triết học cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin, như nguyên lý về tính thống nhất vật chất của thế giới được coi là cơ sở lý luận, nền tảng của sự thống nhất biện chứng giữa con người – xã hội và tự nhiên, nguyên lý về quy định của trình độ phát triển của xã hội đối với mỗi quan hệ giữa con người và tự nhiên, và nguyên lý về vai trò chủ thể tích cực của con người trong việc điều khiển một cách có ý thức mỗi quan hệ giữa con người và tự nhiên là cơ sở triết học xã hội hình thành ý thức sinh thái. Ngày nay, tuy các trào lưu triết học rất phong phú và đa dạng nhưng chỉ có triết học Mác – Lê Nin với bản chất khoa học và cách mạng, mang tính nhân bản sâu sắc mới trở thành nền tảng cho việc nghiên cứu giải quyết vấn đề sinh thái hiện nay.

### **2.1.2. Vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay**

Trước kia cha ông ta đã có lúc quan niệm tự nhiên là đối tượng tác động của con người, là kho tài nguyên vô tận. Quan điểm đó thể hiện trình độ nhận thức của con người ở thời kì tiền sử và nền văn minh còn rất đơn giản. Ngày nay, quan niệm đó không còn phù hợp với thực tế. Bởi vì những thành tựu khoa học ngày nay đã có đủ cơ sở để chứng minh rằng thế giới là cái có giới hạn chứ không phải vô hạn, nó càng không phải là đối tượng khai thác bừa bãi và chịu sự bóc lột của con người và xã hội. Quan niệm đúng đắn cho rằng

chính con người và xã hội cũng chỉ là bộ phận đặc thù của tự nhiên, do đó con người và xã hội không thể tách rời tự nhiên, tự nhiên là thân thể vô cơ của con người và xã hội.

Ở Việt Nam, trong quá khứ và hiện tại, nền văn hóa phương Đông là yếu tố trội, chi phối sự phát triển của xã hội. Song do hoàn cảnh khách quan và chủ quan mà trong quá khứ và hiện tại cũng không thiếu những quan niệm và hành vi ứng xử chưa đúng với môi trường tự nhiên. Vẫn tồn tại quan điểm thiên nhiên là nguồn tài nguyên vô tận, cần tận dụng khai thác bằng mọi biện pháp để tăng sản phẩm cho xã hội. Quan điểm đó đã dẫn đến không chú ý tới môi trường sống khi hoạch định các chính sách và cơ chế quản lý xã hội.

Nghị quyết số 51 Hội đồng Bộ trưởng về một số công tác Khoa học kỹ thuật năm 1983 và những năm tiếp theo đã không đề cập tới việc bảo vệ môi trường thiên nhiên trong việc ứng dụng các thành tựu khoa học vào sản xuất. Một vấn đề có tầm quan trọng, mang ý nghĩa sống còn cho con người hiện nay là việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường đối với sinh viên, học sinh phổ thông và các trường học nghề. Nhiệm vụ đầy ý nghĩa này mới chỉ được triển khai ở những năm gần đây, trước đây không được nghĩ tới. Về điều này, Nhật Bản đã đi trước chúng ta rất xa trong việc giáo dục mọi người về ý thức sinh thái. Trong xã hội Nhật Bản, mọi người luôn quan tâm đến giáo dục ý thức sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, nhà nước có chính sách xã hội để phối hợp hành động giữa các cá nhân, tập thể, cộng đồng trên nền tảng nhận thức đó.

Nước ta đang trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa. Xuất phát điểm nước ta đi lên thấp, thu nhập bình quân đầu người vẫn là một trong những nước nghèo nhất thế giới. Trong khi đó tài nguyên thiên nhiên và môi trường đã biểu hiện sự suy thoái, có những yếu tố biểu hiện sự cạn kiệt. Ô nhiễm môi trường tự nhiên và môi trường xã hội đã xuất hiện ở đô thị, khu công nghiệp và khu đông dân cư. Vấn đề môi trường sống đang là vấn đề cấp

thiết, gay gắt cần được giải quyết. Trong Biện chứng của tự nhiên Ph.Ăngghen từng nhắc nhở chúng ta rằng, không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên, bởi vì sự thật nhắc nhở chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài thế giới tự nhiên, và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với tự nhiên là ở chỗ chúng ta khác tất cả các sinh vật khác, biết nhận thức được những quy luật của giới tự nhiên và sử dụng những quy luật đó một cách đúng đắn. Đây là lời khuyên cáo sâu sắc mà chúng ta cần nhận thức và quán triệt nghiêm túc trong hoạt động thực tiễn bảo vệ môi trường.

Trước tình hình như vậy Đảng nhà nước ta đã sớm quan tâm đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường sống, coi nhiệm vụ này là vấn đề quan trọng trong mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường được thể hiện trong các hiến pháp, pháp luật và các nghị quyết của Đảng, chương trình hành động của Quốc gia, của từng địa phương trong từng giai đoạn cụ thể.

Đề đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta thật sự trở thành cơ sở hướng dẫn hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa sự suy giảm đó, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển lâu bền cho đất nước trước hết chúng ta phải nâng cao nhận thức và thực trạng và đặc điểm sinh thái nước ta hiện nay trên cơ sở đó đề ra những giải pháp cụ thể phù hợp với tình hình.

Ở nước ta như đã nói ở trên trong thời kì chiến tranh môi trường tự nhiên đã bị phá hoại nghiêm trọng, cộng với sự phát triển của xã hội với sự phát triển của khoa học công nghệ trong những năm qua môi trường nước ta vẫn chưa được bảo vệ đúng mức.

Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tính đến ngày 20/4/2008 cả nước có 185 khu công nghiệp được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập trên địa bàn 56 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đến hết



năm 2008, cả nước có khoảng trên 200 khu công nghiệp. Ngoài ra, còn có hàng trăm cụm, điểm công nghiệp được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập. Theo báo cáo giám sát của Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường của Quốc hội, tỉ lệ các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung ở một số địa phương rất thấp, có nơi chỉ đạt 15 – 20%, như Bà Rịa – Vũng Tàu, Vĩnh Phúc.

Một số khu công nghiệp có xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung nhưng hầu như không vận hành vì để giảm chi phí. Đến nay, mới có 60 khu công nghiệp đã hoạt động có trạm xử lý nước thải tập trung (chiếm 42% số khu công nghiệp đã vận hành) và 20 khu công nghiệp đang xây dựng trạm xử lý nước thải(3). Bình quân mỗi ngày, các khu, cụm, điểm công nghiệp thải ra khoảng 30.000 tấn chất thải rắn, lỏng, khí và chất thải độc hại khác.

Tại Hội nghị triển khai Đề án bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai ngày 26/2/2008, các cơ quan chuyên môn đều có chung đánh giá: nguồn nước thuộc lưu vực sông Sài Gòn - Đồng Nai hiện đang bị ô nhiễm nặng, không đạt chất lượng mặt nước dùng làm nguồn cấp nước sinh hoạt. Theo số liệu khảo sát do Chi cục Bảo vệ môi trường phối hợp với Công ty cấp nước Sài Gòn thực hiện năm 2008 cho thấy, lượng  $\text{NH}_3$  (amoniac), chất rắn lơ lửng, ô nhiễm hữu cơ (đặc biệt là ô nhiễm dầu và vi sinh) tăng cao tại hầu hết các rạch, cống và các điểm xả. Có khu vực, hàm lượng nồng độ  $\text{NH}_3$  trong nước vượt gấp 30 lần tiêu chuẩn cho phép (như cửa sông Thị Tính); hàm lượng chì trong nước vượt tiêu chuẩn quy định nhiều lần; chất rắn lơ lửng vượt tiêu chuẩn từ 3 - 9 lần... Tác nhân chủ yếu của tình trạng ô nhiễm này chính là trên 9.000 cơ sở sản xuất công nghiệp nằm phân tán, xen kẽ trong khu dân cư trên lưu vực sông Đồng Nai.<sup>(2)</sup>

Nhìn chung, hầu hết các khu, cụm, điểm công nghiệp trên cả nước chưa đáp ứng được những tiêu chuẩn về môi trường theo quy định. Thực trạng đó

làm cho môi trường sinh thái ở một số địa phương bị ô nhiễm nghiêm trọng. Cộng đồng dân cư, nhất là các cộng đồng dân cư lân cận với các khu công nghiệp, đang phải đối mặt với thảm họa về môi trường. Họ phải sống chung với khói bụi, uống nước từ nguồn ô nhiễm chất thải công nghiệp... Từ đó, gây bất bình, dẫn đến những phản ứng, đấu tranh của người dân đối với những hoạt động gây ô nhiễm môi trường. Nếu các cơ quan chức năng không có các biện pháp ngăn chặn, khắc phục và xử lý kiên quyết, kịp thời sẽ làm tăng nguy cơ gây mất ổn định xã hội.

Việc phát triển các làng nghề có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương. Tuy nhiên, hậu quả về môi trường do các hoạt động sản xuất ở đây đưa lại cũng ngày càng nghiêm trọng. Tình trạng ô nhiễm không khí, chủ yếu là do nhiên liệu sử dụng trong các làng nghề là than, lượng bụi và khí CO, CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub> thải ra trong quá trình sản xuất khá cao. Không gian nông thôn ngày càng bị thu hẹp do đất bị chiếm dụng để xây dựng cơ sở sản xuất, chứa nguyên vật liệu, chất đốt, sản phẩm và nhất là chất thải đủ các loại... Theo điều tra lập bản đồ làng nghề thủ công toàn quốc của tổ chức JICA (Nhật Bản) phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Việt Nam có 2.017 làng nghề, thu hút khoảng 11 triệu lao động. Các làng nghề được phân bố rộng khắp cả nước, trong đó các khu vực tập trung phát triển nhất là Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Tây Bắc Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long. Riêng ở Đồng bằng sông Hồng có 866 làng nghề, chiếm 42,9% cả nước. Do sản xuất vẫn mang tính tự phát ở từng địa phương, không có kế hoạch, lại thiếu một cơ chế quản lý, giám sát của các cơ quan chức năng của Nhà nước, nên các làng nghề đang phải đối mặt với những thách thức lớn về môi trường.

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở mức nghiêm trọng xảy ra ở hầu hết các làng nghề, mẫu nước thải ở các làng nghề đều vượt quá tiêu chuẩn cho phép,

nước mặt, nước ngầm đều có dấu hiệu ô nhiễm. Theo báo cáo của Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Hoài Đức, Hà Nội, hơn 80% số xã trong huyện có nghề phụ nhưng không có một cán bộ chuyên trách về môi trường. Phần lớn các làng nghề truyền thống sử dụng công nghệ thủ công lạc hậu, chấp vá, mặt bằng sản xuất chật chội; việc đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khí thải ít được quan tâm; ý thức bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khoẻ cho chính mình và cho cộng đồng của người dân làng nghề nhìn chung rất kém... Nhiều loại bệnh dịch từ đó phát sinh, lan tràn khắp nơi, và chính người dân ở các làng nghề phải gánh chịu hậu quả do hành vi của mình gây ra đầu tiên.

Bên cạnh các khu công nghiệp và các làng nghề gây ô nhiễm môi trường, tại các đô thị lớn, tình trạng ô nhiễm cũng ở mức báo động. Đó là các ô nhiễm về nước thải, rác thải sinh hoạt, rác thải y tế, không khí, tiếng ồn... Những năm gần đây, sự mở rộng và phát triển của các đô thị tăng nhanh khiến hệ thống cấp thoát nước không đáp ứng nổi và xuống cấp nhanh chóng. Nước thải, rác thải sinh hoạt (vô cơ và hữu cơ) ở đô thị hầu hết đều trực tiếp xả ra môi trường mà không có bất kỳ một biện pháp xử lý nào ngoài việc vận chuyển đến bãi chôn lấp.

Theo thống kê của cơ quan chức năng, mỗi ngày người dân ở các thành phố lớn thải ra hàng nghìn tấn rác; các cơ sở sản xuất thải ra hàng trăm nghìn mét khối nước thải độc hại; các phương tiện giao thông thải ra hàng trăm tấn bụi, khí độc. Trong tổng số khoảng 34 tấn rác thải rắn y tế mỗi ngày, thì Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh chiếm đến 1/3, bầu không khí của Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có mức benzen và sunfua dioxit đáng báo động. Theo một kết quả nghiên cứu mới công bố năm 2008 của Ngân hàng thế giới (WB), trên 10 tỉnh thành phố Việt Nam, xếp theo thứ hạng về ô nhiễm đất, nước, không khí, thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là những địa bàn ô nhiễm đất nặng nhất. Hà Nội và TP HCM nằm trong danh sách 6 thành phố ô nhiễm

không khí nghiêm trọng nhất thế giới. Với tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm đạt trên 8%, Việt Nam đang đối mặt với một hiểm hoạ ô nhiễm ngày càng trầm trọng. Do tốc độ công nghiệp hoá và đô thị hoá nhanh chóng, ô nhiễm môi trường tại Hà Nội và TPHCM đã trở thành một vấn đề trọng điểm của quốc gia. Các chuyên gia cho biết, nếu tính đến cả các tổn thất môi trường thì tốc độ tăng GDP thực tế của Việt Nam sẽ chỉ là 3-4%. Bản tổng kết môi trường toàn cầu do Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP) mới công bố cho thấy Việt Nam có hai thành phố nằm trong danh sách 6 thành phố bị ô nhiễm không khí nghiêm trọng nhất trên thế giới. Theo tiến sĩ Hoàng Dương Tùng - Giám đốc Trung tâm Quan trắc và thông tin môi trường thuộc Cục Bảo vệ môi trường, Việt Nam đối mặt với tất cả các vấn đề được nêu trong báo cáo. Về nồng độ bụi, hai TP lớn nhất Việt Nam chỉ đứng sau Bắc Kinh, Thượng Hải, New Delhi và Dhaka.

Mối đe doạ tiềm tàng này chắc chắn sẽ cản trở quá trình phát triển hơn nữa của các thành phố Liên tiếp chính phủ cấp phép cho xây dựng các công trình thủy điện làm cho dân phải di dời nhà ở, mất đất canh tác, đến mùa mưa nước không có lối thoát lại gây lũ lụt triền miên này.

Báo cáo về thay đổi khí hậu của Ngân hàng Thế giới trong năm 2007 cũng cho thấy Việt Nam là một trong hai quốc gia sẽ chịu ảnh hưởng lớn nhất của tình trạng băng tan. Nếu nhiệt độ tiếp tục tăng, Việt Nam sẽ mất 17% sản lượng nông nghiệp. Các chuyên gia dự báo Khu kinh tế Dung Quất tại Việt Nam có thể thấp hơn mực nước biển. Các chuyên gia môi trường đã nhấn mạnh rằng sự sống và đời sống của con người sẽ chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi sự biến đổi môi trường toàn cầu. Trong thế kỷ tới 1,8 tỉ người sẽ phải sống trong các khu vực khan hiếm nước và 2/3 trong số họ sẽ thiếu nước sạch. Khoảng 16.000 loài sẽ có nguy cơ tuyệt chủng. Theo bà Nguyễn Ngọc Lý - tư vấn phát triển bền vững cao cấp của Chương trình Phát triển Liên Hợp

Quốc (UNDP) tại Hà Nội, Việt Nam đang có tình trạng ô nhiễm môi trường báo động, mặc dù đã xây dựng một khuôn khổ pháp lý cho công tác bảo vệ môi trường khi ban hành Luật Bảo vệ môi trường trong năm 1994. Việt Nam cũng đã phát triển Chiến lược bảo vệ môi trường cho giai đoạn 2001-2010. Đó là một trong tám Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ cần phải hoàn thành đến năm 2015. Quá trình phát triển nhanh chóng đã làm tăng các hoạt động xây dựng và đô thị hoá trên diện rộng, đặc biệt ở các khu đô thị. Các công trình xây dựng và nâng cấp nhà cửa, cầu đường đang diễn ra khắp mọi nơi, làm cho tình trạng bụi bặm càng trở nên trầm trọng. Theo các chuyên gia môi trường, nồng độ bụi tại các thành phố đô thị ngày càng tăng và vượt quá ngưỡng cho phép từ 2 đến 3 lần. Cục Bảo vệ môi trường Việt Nam cho hay, tại các khu đô thị, 70-90% nguồn ô nhiễm là do khí thải từ các phương tiện tham gia giao thông. Các phương tiện này phát thải ra môi trường một lượng lớn carbon dioxide và các chất độc hại khác. Trước năm 1980, hơn 80-90% số dân thành thị sử dụng xe đạp. Hiện nay, hơn 80% số người dân sử dụng xe gắn máy. Năm 2007, Hà Nội có hơn 1,7 triệu xe máy và TPHCM có khoảng 3,8 triệu. Những con số này gia tăng đáng kể với tốc độ tăng trung bình 10-15%/năm. Ngoài khí thải từ các phương tiện giao thông và khói từ các khu công nghiệp, chất thải và nước thải cũng là những nhân tố chính gây lên tình trạng ô nhiễm không khí trầm trọng. Nhiều khu công nghiệp và khu dân cư không có hệ thống nghiền và xử lý chất thải ở mức chuẩn tối thiểu. Các chất thải không được qua xử lý bị xả ra sông, hồ xung quanh các thành phố. Các con sông như Tô Lịch, Kim Ngưu và sông Sài Gòn bị ô nhiễm nghiêm trọng. Ô nhiễm môi trường khí quyển tạo nên sự ngột ngạt và "sương mù", gây nhiều bệnh cho con người. Nó còn tạo ra các cơn mưa acid làm huỷ diệt các khu rừng và các cánh đồng. Điều đáng lo ngại nhất là con người thải vào không khí các loại khí độc như: CO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CH<sub>4</sub>, CFC đã gây hiệu ứng nhà

kính. Theo nghiên cứu thì chất khí quan trọng gây hiệu ứng nhà kính là CO<sub>2</sub>, nó đóng góp 50% vào việc gây hiệu ứng nhà kính, CH<sub>4</sub> là 13%, ozôn tầng đối lưu là 7%, nitơ 5%, CFC là 22%, hơi nước ở tầng bình lưu là 3%. Nếu như chúng ta không ngăn chặn được hiện tượng hiệu ứng nhà kính thì trong vòng 30 năm tới mặt nước biển sẽ dâng lên từ 1,5 – 3,5 m (Stepplan Keckes). Có nhiều khả năng lượng CO<sub>2</sub> sẽ tăng gấp đôi vào nửa đầu thế kỷ sau. Điều này sẽ thúc đẩy quá trình nóng lên của Trái Đất diễn ra nhanh chóng. Nhiệt độ trung bình của Trái Đất sẽ tăng khoảng 3,60°C và mỗi thập kỷ sẽ tăng 0,30°C. Theo các tài liệu khí hậu quốc tế, trong vòng hơn 130 năm qua nhiệt độ Trái Đất tăng 0,40°C. Tại hội nghị khí hậu tại Châu Âu được tổ chức gần đây, các nhà khí hậu học trên thế giới đã đưa ra dự báo rằng đến năm 2050 nhiệt độ của Trái Đất sẽ tăng thêm 1,5 – 4,50°C nếu như con người không có biện pháp hữu hiệu để khắc phục hiện tượng hiệu ứng nhà kính.

### **2.1.3. Nguyên nhân ô nhiễm môi trường ở nước ta**

*Môi trường nước ta đến mức ô nhiễm như vậy là do những nguyên nhân chủ yếu như sau:*

*Thứ nhất là do nền kinh tế thị trường bước đầu được thiết lập.* Nền kinh tế hàng hóa hoạt động theo cơ chế thị trường là động lực phát triển kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường giữa mục tiêu kinh tế và mục tiêu sinh thái có gắn bó chặt chẽ với nhau, giữa chúng vừa có mặt thống nhất vừa có mặt mâu thuẫn. Điều chúng ta quan tâm ở đây không phải là vai trò của nền kinh tế thị trường đối với xã hội, cũng như không phải những thành tựu của nó mà chủ yếu đề cập đến sự tác động đến nền kinh tế thị trường để nền kinh tế thị trường.

Do sự cách biệt về trình độ phát triển kinh tế và những mâu thuẫn trong lợi ích phát triển kinh tế các nước trên thế giới cạnh tranh quyết liệt trên con đường phát triển. Các nước đang phát triển để đuổi kịp nước giàu, nước giàu

cố gắng tăng trưởng để củng cố vị trí của mình và không muốn nước đi sau vượt qua. Trong bối cảnh đó, mục tiêu phát triển kinh tế thường được đặt lên hàng đầu, lấn át hết các mục tiêu khác. Đáng lẽ phải được xem xét một cách sâu sắc những phương thức phát triển kinh tế, xem xét cơ cấu kinh tế đã bám rễ trong công nghiệp thì cả nước phát triển và các nước đang phát triển không cho phép mình phát triển chậm trễ, cố gắng chớp lấy thời gian hoạt động theo con đường dễ nhất, ngắn nhất, tức là con đường tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên. Kinh tế thị trường với các quy luật giá trị lợi nhuận tối đa, cung cầu và cạnh tranh đã làm đảo lộn rất nhiều giá trị truyền thống trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội cả theo hai hướng tích cực, tiến bộ và chiều hướng tiêu cực. Xuất phát từ lợi ích kinh tế thị trường đang tấn công dữ dội vào cả hai mối quan hệ cơ bản của con người: Mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội và mối quan hệ giữa con người với con người trong tự nhiên. Cùng với cơ chế thị trường sự gia tăng nhanh chóng của dân số, sự đa dạng về nhu cầu con người, sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, công nghệ và lực lượng sản xuất của xã hội: đã tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi hơn, dễ dàng hơn cho con người trong việc khai thác sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Nếu như trước đây con người yêu thiên nhiên, quý trọng thiên nhiên bởi vẻ đẹp vốn có của nó thì ngày nay ngược lại, với con người với lợi ích, ích kỉ trước mắt của mình, chỉ nhìn thấy những giá trị sử dụng và thực dụng của tự nhiên. Tất cả các loại tài nguyên thiên nhiên như rừng, đất đai, nước, khoáng sản, thực vật, động vật đều bị con người khai thác đến cạn kiệt sử dụng lãng phí đưa đến ô nhiễm nặng nề về môi trường. Để giải quyết những mâu thuẫn cấp thiết về kinh tế xã hội và thỏa mãn những lợi ích trước mắt, con người sẵn sàng khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên bằng bất cứ cách nào miễn là trong thời gian ngắn nhất thu được kết quả cao nhất. Quan điểm

này lại được đi kèm với đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa càng làm tăng thêm sức mạnh trong việc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

*Thứ hai là do quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa.* Công nghiệp hóa - hiện đại hóa là xu hướng phát triển của các nước trên thế giới. Đó cũng là con đường phát triển tất yếu của nước ta để đi lên mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh. Trong quá trình phát triển sản xuất công nghiệp hóa đất nước nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội chúng ta phải khai thác tài nguyên bố trí lại cơ sở sản xuất. Từ một nước thuần nông như nước ta, chuyển sang xây dựng thành một nước hiện đại là cả một quá trình phát triển lâu dài. Nếu không có kế hoạch hợp lí, bố trí lại sản xuất và khai thác tốt tài nguyên thiên nhiên một cách bừa bãi thì làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường hết sức nghiêm trọng.

Tăng trưởng kinh tế là mục tiêu quan trọng bậc nhất của phát triển xã hội song không phải là tất cả. Ngày nay con người bắt đầu nhận thức được cái giá quá đắt đã phải trả giá cho sự tăng trưởng đơn phương đó: Một môi trường tự nhiên đang bị tàn phá, một cuộc khủng hoảng sinh thái toàn cầu đang đe dọa sự sống của trái đất. Những thành tựu từ khi loài người bắt đầu tiến hành công nghiệp hóa đến nay, do khoa học và công nghệ đem lại cho xã hội đồng thời cũng đem lại những tổn thất to lớn cho môi trường tự nhiên.

Nước ta đi vào quỹ đạo phát triển chung của toàn cầu từ khó khăn và thiếu thốn trầm trọng về vật chất. Tất cả các mặt: Vốn, nguồn nhân lực, khoa học kỹ thuật đều yếu và thiếu. Thực trạng môi trường sống cũng như việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, mức độ ô nhiễm môi trường sinh thái chúng ta gây nhiều hậu quả tiêu cực với tự nhiên. Thậm chí các vấn đề về môi trường sống ở nước ta còn mang những nét đặc thù phức tạp và gay gắt hơn ở các nước công nghiệp phát triển. Vì đó là hậu quả của hai lối sống công



nghiệp và nông nghiệp và hậu quả lâu dài của chiến tranh. Ở đây đang đan xen tồn tại những vấn đề về môi trường của các nước kém phát triển như nạn ô nhiễm môi trường do các chất thải sinh hoạt, dân số tăng nhanh, suy dinh dưỡng và những vấn đề môi trường hiện đại như nạn ô nhiễm do các chất thải sản xuất, do lối sống công nghiệp và thị trường quá căng thẳng, cộng với vấn đề ô nhiễm môi trường xã hội gay gắt như các tệ nạn xã hội, do sự đua đòi lối sống tự do, buông thả, các bệnh tật nguy hiểm. Các hậu quả chiến tranh, đặc biệt là chiến tranh hóa học lên con người và môi trường. Chính thực trạng sinh thái hiện nay chúng ta càng làm cho việc kết hợp bảo vệ và tăng cường chất lượng môi trường sống trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa trở thành vấn đề cấp bách hơn.

*Thứ ba rất đáng chú ý là ý thức lối sống của mỗi người dân của xã hội.* Con người với sức mạnh trí tuệ của mình trong những năm qua đã đạt được những thành tựu cao của khoa học công nghệ, cho phép họ ngày càng khai thác và cải tạo thiên nhiên cung cấp một lượng rất phong phú về của cải vật chất phục vụ cho lợi ích của cả loài người. Tuy nhiên trong xã hội không phải ai cũng có ý thức nhận thức đúng đắn về việc khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường, một số không ít trong số đó đã phá vỡ mối quan hệ biện chứng giữa con người với tự nhiên nhằm thỏa mãn lòng tham vô đáy của mình bằng cách tàn phá môi trường tự nhiên vô cùng tội vạ. Hậu quả của hành động mất lương tri này là tài nguyên bị cạn kiệt và suy thoái nghiêm trọng.

Nước ta còn là một trong những nước đang phải gánh chịu hậu quả nặng nề nhất của sự biến đổi khí hậu toàn cầu. Mưa lũ, ngập lụt, lốc xoáy, hạn hán xảy ra thường xuyên trên khắp mọi miền đất nước, năm sau lại nặng nề hơn, tổn thất lớn hơn năm trước. Tất cả những điều đó đang đòi hỏi phải xây dựng

một ý thức sinh thái mới phù hợp với điều kiện phát triển mới của đất nước và thế giới.

Yêu cầu xây dựng ý thức sinh thái ngày nay trở nên bức xúc hơn bao giờ hết, nó đòi hỏi phải xuất phát từ lương tâm, trách nhiệm của con người đối với tự nhiên, nhưng suy đến cùng, là đối với sự sống còn của chính mình và các thế hệ con cháu mai sau trước thực trạng xuống cấp nghiêm trọng của môi trường sống. Trong sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường, của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, những giá trị của đạo đức nói chung, của ý thức sinh thái nói riêng cần phải có những thay đổi về căn bản. Hơn mấy thập kỉ qua, cùng với việc chấp nhận nền kinh tế thị trường, với việc đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, những giá trị đạo đức nói chung, ý thức sinh thái nói riêng đã đột ngột bị thay đổi theo chiều hướng bất lợi cho môi trường. Sự kích thích mạnh mẽ của lợi ích tối đa trước mắt, kết hợp với những phương tiện kỹ thuật hiện đại đã làm cho con người lao vào khai thác và tận dụng tự nhiên bất chấp mọi hậu quả có thể xảy ra và trên thực tế đã xảy ra. Điều đó có nghĩa là, những giá trị ý thức sinh thái truyền thống đang phải đối mặt với những thách thức to lớn và vô cùng mới mẻ trong những điều kiện phát triển mới của đất nước và thời đại.

Con người Việt Nam cần xây dựng một ý thức sinh thái mới trên cơ sở phát huy những nét đẹp trong đạo đức sinh thái truyền thống dân tộc, đồng thời kết hợp với việc tiếp thu những giá trị sinh thái mới, sao cho phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững. Muốn làm được như vậy, chúng ta cần phải biết gắn kết ý thức sinh thái với trách nhiệm xã hội của con người đối với môi trường sống của mình.

Điển hình là gần đây nhất báo chí tường thuật nhiều về các công ty và các cơ quan làm ô nhiễm môi trường sống, như công ty bột ngọt Vedan ở

Đồng Nai thải nước ra sông Thị Vải và các bệnh viện cũng thải nước chưa qua xử lí ra hệ thống thoát nước công cộng. Với ưu tiên dành cho phát triển kinh tế trong hai thập niên qua việc bảo vệ môi trường không được xem trọng. Vì vậy hôm nay môi trường sống của chúng ta đều bị đe dọa và cái giá làm sạch môi trường có khi cao hơn các lợi ích do các dự án kinh tế gây ra ô nhiễm đem lại. Qua thực tiễn cuộc sống và theo dõi các phương tiện truyền thông đại chúng chúng ta đã biết, đã nghe, đã đọc thấy rất nhiều vụ việc, những trường hợp thể hiện ý thức sinh thái non kém của một bộ phận nhân dân trong xã hội các cấp lãnh đạo. Chẳng hạn, về việc phá rừng của lâm tặc hầu như ai cũng biết, cũng nhận thấy sự cần thiết phải bảo vệ rừng. Nhưng vì lí do kinh tế để sống còn, để làm giàu, để thỏa mãn những ham muốn khác nên một số sẵn sàng phá rừng. Những lâm tặc này là ai? Họ có thể là những người dân nghèo không có cách gì khác để sống nên phải vào rừng chặt cây lấy củi để bán. Họ cũng có thể là nhân viên kiểm lâm nhắm mắt làm ngơ cho những xe lậu gỗ đi qua để được lấy phong bì. Nhìn kĩ hơn, họ cũng có thể là chủ những doanh nghiệp phải làm đủ mọi cách để tìm đủ nguồn gỗ cho những đơn đặt hàng của khách cho nên đã thuê người phá rừng lấy gỗ. Lâm tặc đó cũng có thể là ta những khách hàng – cổ sở hữu cho được những bộ bàn ghế bằng gỗ quý hiếm. Hàng trăm gốc chè cổ trên dưới một trăm tuổi tại vườn chè cổ Cầu Đất (Lâm đồng) sẽ không bị các thanh niên đào trộm với tiền công với 200 ngàn đồng/gốc nếu không có những người mua gốc chè cổ đó với giá 3- 5 triệu mỗi cây (Dân trí 31/10/2010).

Bảo vệ môi trường hiện nay là một vấn đề lớn của thế giới của mỗi quốc gia, cộng đồng và của mỗi cá nhân. Trong đó cá nhân mỗi người đóng một vai trò có ý nghĩa quan trọng. Một triệu người có một chai nước dùng được nhiều lần là một ngày giảm được một chai nước bị biến thành rác. Nếu không bảo vệ môi trường thì chúng ta không còn môi trường để sống. Nếu người dân

sống trong cộng đồng phải nâng cao ý thức trong việc gìn giữ và bảo vệ tái tạo môi trường sống, không cho những hiện tại mà còn cho những thế hệ tương lai mai sau. Trong các chương trình hành động của mỗi quốc gia nhằm góp phần thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường toàn cầu cần đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cho mỗi người dân về ý thức trách nhiệm, ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường, từ đó có thái độ và hành vi đúng đắn đối với môi trường sống. Bên cạnh đó, việc ban hành và thực hiện Luật bảo vệ môi trường cần căn cứ vào tình hình cụ thể và đặc trưng của mỗi quốc gia để có tính hiệu quả thiết thực. Sự phát triển lâu bền của nhân loại đòi hỏi mỗi nước phải giải quyết vấn đề môi trường một cách tổng thể và toàn diện trên cơ sở mối quan hệ mật thiết giữa môi trường – dân số - tài nguyên và phát triển kinh tế - xã hội với sự nỗ lực chung của tất cả các nước.

Hiện nay tình hình môi trường của cả nhân loại cũng như nước ta đang đòi hỏi phải có một phương thức tư duy mới, một hình thức mới của tự ý thức – ý thức về môi trường, về sinh thái học. Điều đó có nghĩa là nhân loại phải nhận thức mình là một chỉnh thể thống nhất trong mỗi quan hệ với tự nhiên. Điều kiện trước tiên và chủ yếu để duy trì sự cân bằng và hài hòa với tự nhiên đó là sự cùng tồn tại hòa bình và hợp lý giữa con người với nhau. Việc giải quyết các vấn đề môi trường gắn liền với cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình, ngăn ngừa chiến tranh chống lại việc sản xuất vũ khí, đe dọa diệt tận gốc con người và thiên nhiên.

Trên thế giới sự biến đổi khí hậu ở Indonexia, lụt lội chưa từng có ở Thái Lan, song thần cuốn ở Nhật những thiệt hại to lớn về người và tài sản đã gióng lên hồi chuông cho các nhà chức trách về vấn đề môi trường và việc làm trái quy luật của tự nhiên, khai thác tự nhiên quá mức nhưng ngược lại lại không bù vào cho tự nhiên nhưng gì đã lấy.

Ở nước ta, nhà nước phải huy động toàn bộ lực lượng của đất nước để giải quyết những hậu quả hết sức to lớn mà cuộc chiến tranh kéo dài để lại, tiếp đó là những năm khắc phục tình hình suy thoái kinh tế. Đảng ta đã có những quan tâm sâu sắc đối với việc bảo vệ môi trường trong đó đã tổ chức hệ thống cơ quan chức năng quản lý bảo vệ môi trường từ Trung ương đến địa phương. Bên cạnh đó đã hình thành tổ chức hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường ở các cấp. Không ngừng nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường, tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ và giữ gìn môi trường cho mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ. Những chủ nhân tương lai của đất nước. Điều đó thể hiện ý thức trách nhiệm của chúng ta đối với cộng đồng quốc tế về bảo vệ môi trường và trong sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

#### **2.1.4. Bảo vệ môi trường sinh thái là nhiệm vụ cấp bách trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước**

*Tầm quan trọng của Công nghiệp hóa - hiện đại hóa gắn liền với bảo vệ môi trường . Công nghiệp hóa - hiện đại hóa gắn với bảo vệ môi trường có tầm quan trọng đối với tiến trình phát triển của nước ta và ảnh hưởng đến tất cả mọi lĩnh vực đời sống kinh tế xã hội. Công nghiệp hóa - hiện đại hóa gắn với bảo vệ môi trường sẽ góp phần phát triển các ngành công nghệ sạch, các ngành công nghiệp sử dụng trang thiết bị kỹ thuật hiện đại ít tiêu tốn năng lượng. Bên cạnh đó ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất tận dụng nguồn năng lượng mới từ sức gió và ánh sáng mặt trời sẽ hạn chế sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên, giảm ô nhiễm môi trường, tăng năng suất lao động.*

*Công nghiệp hóa - hiện đại hóa gắn với bảo vệ môi trường sẽ thúc đẩy phát triển mạnh ngành công nghệ sinh học tạo ra nhiều giống lúa và hoa màu có năng suất cao, giảm sâu bệnh. Bên cạnh đó, việc trồng rau sạch trong các nhà kính, với việc ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại sẽ tạo ra năng suất*

cây trồng cao, không phun thuốc trừ sâu góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường. Việc công nghiệp hóa - hiện đại hóa gắn với bảo vệ tài nguyên môi trường sẽ là điều kiện tốt nhất để phát triển ngành du lịch ở nước ta.

Phải thừa nhận rằng, trong truyền thống văn hoá dân tộc, con người Việt Nam đã có một ý thức sinh thái rất đáng quý và đáng trân trọng. Với triết lý sống hài hoà với thiên nhiên như Lão Tử đã đề cập và nhấn mạnh và với lý tưởng đạo đức sinh thái “Thiên - Nhân hoà đồng” hay “Thiên - Nhân hợp nhất”, con người Việt Nam đã luôn sống gắn bó với thiên nhiên qua biết bao thế hệ, trải qua hàng nghìn năm lịch sử. Song, đó đồng thời cũng là hàng nghìn năm con người Việt Nam chỉ biết sống nương nhờ và dựa vào thiên nhiên, thuận theo thiên nhiên, phụ thuộc một cách mù quáng vào các thể lực của tự nhiên. Do vậy, nước ta vẫn mãi luân quần trong cái vòng phát triển chậm chạp mặc dù chúng ta đã tiến hành quá trình công nghiệp hoá đất nước từ mấy thập kỉ.

*Công nghiệp hóa - hiện đại hóa gắn với bảo vệ môi trường tạo sự phát triển bền vững.* Nước ta tiến hành công nghiệp hóa, trong lúc các nước phát triển đang chuyển từ nền văn minh công nghiệp sang văn minh trí tuệ. Với chiến lược phát triển lâu bền của nhân loại, sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa của chúng ta phải hướng đến thực hiện đồng bộ ba mục tiêu: kinh tế, xã hội- nhân văn và sinh thái trong sản xuất cũng như trong mọi hoạt động xã hội. Để đạt được mục tiêu trên, trước hết phải nhanh chóng ứng dụng các thành tựu khoa học- công nghệ hiện đại vào sản xuất. Đồng thời phải chú ý lựa chọn những thành tựu công nghệ thích hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực của nó đối với môi trường sống.

Trong quá trình phát triển, nước ta phải xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật chúng ta đã khai thác tài nguyên, bố trí lại cơ cấu sản xuất, từ một nước thuần nông như nước ta chuyển sang xây dựng một nước công nghiệp hiện đại là

quá trình lâu dài. Nếu không có kế hoạch khai thác tài nguyên bừa bãi, làm cạn kiệt tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Do vậy phải gắn liền công nghiệp hóa với bảo vệ môi trường.

Nước ta đi lên từ một nước nông nghiệp lạc hậu và chịu hậu quả của chiến tranh, Đảng ta chủ trương xây dựng đất nước để rút ngắn khoảng cách của nước ta với các nước trên thế giới. Nhưng do chú trọng phát triển đã vô tình làm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng vì vậy công nghiệp hóa gắn liền với phát triển bền vững để tránh nguy cơ tụt hậu. Công nghiệp hóa là quy luật phát triển tất yếu của các nước lạc hậu và kém phát triển. Chỉ có thực hiện công nghiệp hóa, phát triển sản xuất thì mới xóa bỏ được nghèo nàn và lạc hậu. Do đó, Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa - hiện đại hóa không chỉ phù hợp với quy luật phát triển kinh tế - kỹ thuật mà còn phù hợp với mục tiêu xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cũng như tình cảm và nguyện vọng của Đảng và nhân dân. Tuy nhiên, công nghiệp hóa, bên cạnh mặt tích cực thì cũng kèm theo đó là những mặt hạn chế mà vấn đề ô nhiễm môi trường là một điển hình.

Tăng trưởng kinh tế là mục tiêu quan trọng bậc nhất của sự phát triển xã hội, song không phải là tất cả. Ngày nay, con người đã bắt đầu nhận thức ra cái giá quá đắt đã phải trả cho sự tăng trưởng đơn phương đó: một môi trường tự nhiên đã và đang bị tàn phá, một cuộc khủng hoảng sinh thái toàn cầu đang đe dọa sự sống của cả trái đất. Những gì được coi là thành tựu từ khi loài người bắt đầu tiến hành công nghiệp hóa đến nay, do khoa học và công nghệ đem đến cho xã hội cũng đồng thời kèm theo những tổn thất to lớn cho môi trường tự nhiên: lỗ thủng tầng ôzôn, hiệu ứng nhà kính, mưa axit, sa mạc hóa...

Việt Nam bước vào công nghiệp hóa - hiện đại hóa từ một điểm xuất phát tương đối thấp. Nhìn một cách tổng quát, nếu xét về các chỉ tiêu kinh tế như tỉ trọng giữa công nghiệp và nông nghiệp; trình độ phát triển của lực

lượng sản xuất, đặc biệt là của khoa học - kỹ thuật và công nghệ; mức sống của người dân... thì Việt Nam vẫn đang là một nước nghèo nàn, lạc hậu, đang ở trình độ của văn minh nông nghiệp. Song nếu xét về thực trạng của môi trường sống như việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, mức độ ô nhiễm của môi trường sinh thái thì chúng ta đã gây khá nhiều hậu quả tiêu cực đối với tự nhiên, không thua kém gì ở các nước đang có nền văn minh công nghiệp. Thậm chí vấn đề môi trường sống ở Việt Nam còn mang những nét đặc thù phức tạp và gay gắt hơn ở các nước công nghiệp phát triển, vì đó là hậu quả của sự tác động phức hợp của hai lối sống công nghiệp và nông nghiệp với hậu quả lâu dài và tàn khốc của chiến tranh. Ở đây, đang tồn tại đan xen giữa những vấn đề môi trường của các nước kém phát triển như nạn ô nhiễm môi trường do các chất thải sinh hoạt, dân số tăng nhanh, suy dinh dưỡng... và những vấn đề môi trường hiện đại như nạn ô nhiễm do các chất thải của sản xuất, do lối sống công nghiệp và thị trường quá căng thẳng, cộng với vấn đề ô nhiễm môi trường xã hội khá gay gắt như các tệ nạn xã hội, do sự đua đòi lối sống tự do, buông thả, các bệnh tật nguy hiểm của thời đại như bệnh AIDS, các hậu quả của chiến tranh, đặc biệt là chiến tranh hóa học lên con người và môi trường. Chính thực trạng môi trường hiện nay ở nước ta càng làm cho việc kết hợp giữa mục tiêu phát triển bền vững với mục tiêu bảo vệ môi trường sống trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa càng trở thành vấn đề cấp bách.

## **2.2. VẬN DỤNG HỌC THUYẾT VÔ VI CỦA LÃO TỬ TRONG GIÁO DỤC Ý THỨC VÀ LỐI SỐNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HIỆN NAY**

### **2.2.1. Vận dụng học thuyết vô vi trong giáo dục ý thức và lối sống hài hòa với tự nhiên**

\* *Lối sống hiện đại và nhu cầu trở về với tự nhiên:* Thực tế cho thấy, trong những năm qua chúng ta đã nỗ lực thực hiện rất nhiều biện pháp nhưng



vẫn chưa thể giải quyết triệt để các vấn đề về môi trường. Năng lực của con người trong việc giải quyết các vấn đề môi trường sinh thái trong tiến trình hiện đại hóa xã hội dường như ngày một nhỏ bé hơn so với quy mô, tính chất và tác động của chúng. Thực tế là cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có được một sự thay đổi căn bản trong ý thức của cộng đồng nhân loại về những vấn đề môi trường sinh thái, chưa có được một ý thức sinh thái thường trực trong mỗi thành viên cộng đồng. Do vậy, vấn đề đặt ra là cần phải thay đổi nhận thức, thay đổi trong nếp nghĩ, trong tư duy của mỗi thành viên và của toàn thể cộng đồng xã hội. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sinh thái của mọi người, đặc biệt là của thế hệ trẻ hiện nay.

Khi nghiên cứu học thuyết Vô Vi - Không làm gì trái với quy luật, đi ngược lại quy luật, chúng ta phải chung sống hài hòa với tự nhiên, chúng ta thay đổi quan niệm từ khai thác khống chế để làm cho tài nguyên thiên nhiên phục vụ hết sức đắc lực cho chúng ta, sang quan niệm khai thác để phát triển bền vững tức là chúng ta trả lại cho tự nhiên cái gì để có thể cải tạo lại môi trường như cũ. Ví dụ như khai thác rừng xong thì phải trồng lên đó những mầm cây mới để sinh sôi nảy nở tạo nên môi trường sống mới. Chúng ta đang bán rẻ những gì mà thế hệ hiện nay có nhưng sẽ là quá đắt đỏ đối với thế hệ tương lai của chúng ta.

Tư tưởng vô vi của Lão Tử khuyên mọi người trở về với tự nhiên, với những ai là kẻ ưa sống gần gũi thiên nhiên, lại có phần tương thông với đức tính khiêm nhường, dung thứ, nhẫn nại. Do đó, người theo vô vi của Lão Tử là về sống nơi nơi thâm sơn cùng cốc, tĩnh tịch, xa lánh bụi trần tự tay kiếm ăn, tự mình chữa bệnh, người đời gọi đó là "Tu Tiên", mang sắc thái huyền bí như một tôn giáo. Về với vô vi là về thế giới non xanh nước biếc, sơn cùng tận thùy sống cuộc đời không tranh giành, không tham lam, không háo lợi.

Nhìn vào hiện tại tình hình khai thác tài nguyên, thì mọi động thái của hoạt động con người đều đi ngược lại với quy luật, con người với khả năng của mình đã can thiệp quá sâu vào guồng máy của tự nhiên, hoạt động giả tạo và cưỡng ép tự nhiên, khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách cạn kiệt, thái quá. Đi ngược lại với những gì Lão Tử đã cảnh báo, Vô vi không làm mất cái đức tự nhiên thuần phác vốn có của sự vật, không ham những cái trái với bản tính tự nhiên, cố tìm cách thỏa mãn, dẫn tới sự can thiệp vào guồng máy của tự nhiên sẽ mang lại những tai họa.

Vô vi theo Lão Tử là bảo vệ là giữ gìn bản tính tự nhiên, trong cuộc sống hiện đại bây giờ nếu ta khư khư bảo vệ tất cả tài nguyên, không khai thác phục vụ cho con người thì không còn giá trị gì gọi là văn minh hiện đại, vậy nhưng con người luôn mong muốn đạt được lòng tham quá lớn đã tác động vào giới tự nhiên, làm cho tự nhiên phát triển theo hướng của mình thì đã là vi phạm vào “bảo vệ và giữ gìn bản tính tự nhiên”. Khi đi ngược lại tự nhiên thì con người phải gánh chịu những hậu quả về thực trạng môi trường như đã nói ở mục trên.

Khi ta có lý tưởng trở về với cái đức tự nhiên “người đời sáng chói riêng ta lù mù” Lão Tử dạy chúng ta cái lù mù, hỗn độn, thô lậu đó chính là cái thấu suốt mọi lẽ của tự nhiên mà sống hòa hợp với tự nhiên, không tự mãn, tự phụ, không thái quá hay bất cập. Với tư tưởng tuyệt vời đó, đem đặt vấn đề với ý thức và lối sống của con người chúng ta trong việc bảo vệ môi trường hiện nay thì thật đáng lo ngại. Với lợi nhuận và đồng tiền làm mờ mắt các nhà quản lý đào rộng khoét sâu, khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên nếu được phát hiện. Nếu như thủy điện Sông Tranh ở Quảng Nam không vì lợi ích trước mắt thì tình hình môi trường cũng như cuộc sống dân cư ở Trà Mi đâu có đảo lộn, mạng sống người dân không bị đe dọa khi thủy điện đi vào khai thác và sử dụng. Dù hỗn độn, thô lậu nhưng không thể đi ngược. Chúng ta

nên nhận thức sống hài hòa với tự nhiên để tự nhiên phục vụ lợi ích của mình mà không chịu sự tác động trở ngại.

Với cuộc sống ngọt ngào về môi trường sống, cạn kiệt về tài nguyên như hiện nay, nhất là ở thành phố ai cũng cảm nhận hết sự ô nhiễm môi trường, ý thức, lối sống xem thường sức khỏe, nạn rác thải bừa bãi, nước thải công nghiệp, bệnh viện, nước thải hàng ngày gây nhức nhối cho mọi người dân. Chán nản với môi trường sống đó ở các thành phố lớn, như Hà Nội hoặc Thành phố Hồ Chí Minh đang có xu hướng làm việc ở thành phố nhưng nhà ở của họ thì xây dựng ở vùng ven hoặc ở ngoại thành, gần vùng quê. Cái xu hướng này rất đáng được khuyến khích và tuyên truyền, mở rộng ra ở các thành phố khác cho nhân dân học hỏi theo. Để trong thành phố giảm đi mật độ đông đúc gây nhiều vấn đề môi trường khác vừa giúp người dân có môi trường thoáng hơn để sống và làm việc. Đó là một cách sống mà ở phương Tây đã có từ rất lâu, khi họ đi làm 50km đến 100km nhưng họ vẫn đi về hàng ngày, họ làm việc ở thành phố nhưng sống lại ở nông thôn, chúng ta không thể nhanh chóng áp dụng theo họ được bởi do điều kiện kinh tế, phương tiện giao thông chưa được nhanh và hiện đại như họ nhưng ở một chừng mực nào đó chúng ta nên phát huy phương thức sống đó. Theo Lão Tử chúng ta muốn quay trở lại cuộc sống chất phác của thời đại công xã nguyên thủy, không xô bồ, tranh giành quyền lợi, sống hòa mình vào thế giới tự nhiên tự cấp tự túc. Ở phương diện này ta hiểu không phải ta trở về thời đại nguyên thủy là kéo lùi lịch sử và tiến trình văn minh nhân loại. Ở phương diện này chúng ta mong muốn được trở lại môi trường thiên nhiên thời nguyên thủy, chưa bị tác động bởi con người, nếu bị tác động chỉ là phục vụ lợi ích chứ không tham lam chiếm đoạt rồi với tiến bộ trong công nghiệp khai thác sử dụng, không để lại gì cho tự nhiên, biến những nơi đã qua bàn tay khai thác của con người

thành những hoang mạc, đá, cát trơ trọi, khí hậu trái đất nóng lên, băng ở Bắc cực tan nước biển dâng lên, diện tích đất cho loài người ngày càng thu hẹp.

Đề giáo dục được lối sống có nhu cầu về với tự nhiên cần có biện pháp tích cực như: đối với các tổ chức xã hội cũng như cộng đồng dân cư, nhất là ở thành phố tăng cường các hoạt động ngoại khóa, có cơ hội phát triển các cuộc du lịch sinh thái lên các vùng núi, phát động các cuộc thi tìm hiểu về thiên nhiên, về thế giới động thực vật, có các chương trình tuyên truyền ở các khu phố qua loa phóng thanh hay khẩu hiệu, treo biển báo ở các đầu đường, kiệt hay nhà văn hóa khu phố, thôn xóm để mọi người ai cũng thấy và dần dần thấm nhuần tầm quan trọng của thiên nhiên và bảo vệ, trồng cây hàng năm hoặc mỗi độ xuân về của phường, xã mình là cần thiết, là thiết thực. Vừa bảo vệ sức khỏe cho mình và cho cả cộng đồng, có không khí trong lành ngay giữa thành phố dù đông đúc, nhộn nhịp.

*\* Giáo dục ý thức và lối sống không làm gì trái với Đạo pháp tự nhiên:*  
Xây dựng ý thức sinh thái sống không đi ngược quy luật. Ý thức, lối sống phải hướng tới mục tiêu tạo ra mối quan hệ hài hòa giữa con người - xã hội và tự nhiên.

Con người cần phải ý thức trách nhiệm một cách đầy đủ rằng: sự khủng hoảng sinh thái, môi trường sống là do chính con người tạo ra, mà chỉ có con người mới có khả năng phục hồi sự hòa hợp đó. Lối sống hướng về sinh thái đòi hỏi mỗi người phải tự giác nhận trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, để từ đó có những hành vi ứng xử hợp đạo lý đối với tự nhiên. Sự trở về với đạo của vạn vật, ở trạng thái nguyên sơ, tự nhiên được coi là tất yếu. Lão Tử nói “*Nặng là gốc của nhẹ, tĩnh là chủ của nhiễu loạn – Trọng vi khinh căn, tĩnh vi táo quân*” [26, tr. 140-141] cái trống không là cơ sở để sinh ra cái có. Chỉ có trở về với đạo, với Vô Vi thì mọi vật mới phát triển, điều hòa, hành thông. Cho nên Lão Tử nói “*đạo pháp tự nhiên*” là vì vậy. Từ đó Lão Tử nói tất cả những

gì con người cố tình can thiệp vào cái trật tự tự nhiên thì nhất định sẽ thất bại, sẽ bị báo ứng từ quy luật của tự nhiên, con người phải nhận hậu quả gấp nhiều lần khi tác động vào môi trường tự nhiên nếu bất chấp hậu quả ở Đạo đức kinh, chương 39 ông viết “ nếu trời không trong sẽ vỡ, đất không yên sẽ lở, hang không đầy sẽ cạn, vạn vật không sống sẽ dứt”.

Còn ở phương Tây trong tác phẩm Biện chứng của tự nhiên Ăngghen cũng đã phát hiện ra tư tưởng “ *trong tự nhiên không có cái gì xảy ra đơn độc cả, hiện tượng này tác động lên hiện tượng khác và ngược lại*” [ 1, tr.650 – 652] . Vì lẽ đó Ăngghen đã lưu ý mọi người “ *chúng ta không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với tự nhiên, bởi vì mỗi lần ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần tự nhiên trả thù lại chúng ta*” [ 1, tr. 650]. Bởi vì con người và tự nhiên là một hệ thống nhất cân bằng nhất định. Các thành phần đều tác động lẫn nhau, là hệ thống liên hệ với nhau theo chiều ngược, con người tác động, cải biến tự nhiên, tự nhiên tác động trở lại con người và sự tác động này là không lường trước được và sẽ phá hủy những gì mà con người đạt được. Nếu làm trái với đạo pháp tự nhiên thì con người sẽ phải hứng chịu những thiệt thòi không lường trước. Lấy các ví dụ xói mòn và hoang mạc hóa đang xảy ra nghiêm trọng ở nhiều nước phát triển như ở Nam Á, Mỹ La Tinh, Đông Phi. Từ năm 1958 đến 1978 biên giới sa mạc Xahara kéo dài thêm 200km, đó là do hậu quả của việc mở rộng sản xuất và khai thác tự nhiên không hợp lý để giáo dục ý thức của mỗi người.

Hoạt động của con người tác động vào giới tự nhiên qua đó thực hiện trao đổi vật chất thường xuyên giữa con người và tự nhiên. Mọi biến đổi trong tính chất , chiều hướng và quy mô của hoạt động con người đều gây ra những biến đổi trong mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Cùng với sự phát triển của hoạt động thực tiễn cải tạo của con người , quy mô con người can thiệp vào nhưng mối liên hệ tự nhiên của sinh quyển cũng lớn lên, mà hậu quả

không phải bao giờ con người cũng tính toán được. Trong tình hình hiện nay để đưa con người trở về với thời kì nguyên sơ, tĩnh lặng như Lão Tử đã nói là điều không tưởng và cũng không cần thiết nhưng giáo dục ý thức là điều có thể. Con người quá sợ hãi với cuộc sống ngột ngạt khi thiếu đi cái máy điều hòa của tự nhiên đó là nhiều cây cối, chúng ta giáo dục ở mỗi thành phố phải có khu cây xanh như là lá phổi cho thành phố đó.

Trong lịch sử từ khi con người xuất hiện, con người lợi dụng tự phát các lực lượng và tài nguyên từ nhiên: lực lượng sản xuất của bản thân con người đến đâu thì con người chiếm lấy của tự nhiên đến đó. Nhưng cách mạng khoa học kỹ thuật đặt cho con người một vấn đề mới là tài nguyên tự nhiên có hạn, sự cân bằng sinh thái của hệ thống đã hình thành có thể bị phá vỡ, do đó cần phải giữ gìn tự nhiên, quay về sống với đạo pháp của tự nhiên.

Nếu trước kia, ta quan hệ với tự nhiên là tự phát thì điều kiện mới làm nảy sinh kiểu quan hệ mới. Nhưng chỉ cho phép chúng ta tác động vào tự nhiên nhằm mục đích duy trì tự nhiên. Hiện nay phải giáo dục con người rõ ràng là không thể tác động vào tự nhiên bất chấp quy luật của nó. Con người muốn chiếm lĩnh tự nhiên không phải là bất chấp mà phải trên cơ sở nhận thức quy luật tự nhiên. Nhìn bên ngoài có những kết quả do vi phạm những quy luật tự nhiên cho kết quả tức thời kết quả ấy sẽ biến thành tổn thất không thể cứu vãn được cả đối với tự nhiên và cả đối với con người. Lấy những hậu quả của con người khi đi ngược với quy luật làm ví dụ để giáo dục con người về bảo vệ môi trường sinh thái. Ví dụ như tình trạng nóng lên của khí hậu trong những năm gần đây ở trên tất cả các tỉnh thành của nước ta, đặc biệt là ở Thành phố Hồ Chí Minh, nóng gay gắt đã xuất hiện ở đầu mùa khô, và tình trạng thủy triều dâng nước cao lên sông Sài Gòn làm cho cuộc sống của nhân dân vào cảnh khó khăn, ngột ngạt, bệnh dịch. Chính những ví dụ cụ thể và đã vừa xảy ra như vậy làm lời cảnh tỉnh cho tất cả mọi người về ý thức, lối sống

không đi ngược quy luật của tự nhiên, không làm gì trái với đạo pháp tự nhiên. Những hậu quả trực tiếp tác động đến con người mới là hồi chuông cảnh tỉnh hữu hiệu cho giáo dục bảo vệ môi trường.

Vượt lên trên tất cả mỗi người chúng ta nên hiểu và nhận thức được rằng con người với tự nhiên là một, phá hủy và đi ngược với quy luật tự nhiên chính là tự phá hủy bản thân mình, tự gây oán chuốc họa vào bản thân mình mà con người với năng lực có hạn thì không thể nào chống đỡ lại được sức mạnh của tự nhiên vì vậy khai thác tài nguyên thiên nhiên phải kết hợp với bảo vệ, phục hồi môi trường.

*\* Giáo dục ý thức yêu tự nhiên, bảo vệ tự nhiên:* Xét cho cùng, thái độ thuận theo tự nhiên của Lão Tử, bất can thiệp của Lão không trái tinh thần khoa học chút nào cả, vì một tinh thần thực khoa học bao giờ cũng tôn trọng luật thiên nhiên. Là một phần của thiên nhiên thì không thể tách rời thiên nhiên được mà phải sống theo thiên nhiên, trong thiên nhiên, sống chất phác, giản dị.

Thiên nhiên trời đất vốn đã vận hành thành chu kỳ tự nhiên, nếu chúng ta tác động vào một yếu tố nào đó thì cũng là làm đảo lộn chu trình của guồng máy cái gọi là quy luật, khi quy luật bị phá vỡ thì tự nhiên sẽ tác động lại con người vì tự nhiên là cơ sở tồn tại của xã hội loài người. Xã hội càng văn minh, càng phát triển thì sự tác động của con người vào tự nhiên càng lớn, càng mạnh, vì vậy rất ít cái trong thiên nhiên còn lại mà không chịu sự tác động, tự nhiên phải chịu những biến đổi to lớn. Lý thuyết Vô vi giải thích lý do tại sao phải bảo tồn thiên nhiên, yêu tự nhiên, đảm bảo sự cân bằng sinh thái. Hạn chế chặt phá rừng để bảo vệ đất, bảo vệ làng, hạn chế thiên tai lũ lụt.

Con người chinh phục giới tự nhiên để giảm đi sự phụ thuộc của mình vào các thế lực không kiểm soát được và hơn nữa là làm tăng sức mạnh của mình trước tự nhiên. Con người để đạt được mục đích thì bất chấp các thủ

đoạn để đạt được vì vậy việc nắm các quy luật của tự nhiên, từ chỗ lợi dụng bên ngoài, dựa vào tự nhiên một cách thụ động, con người đã cải tạo biến đổi nó một cách chủ động. Yêu tự nhiên, bảo vệ tự nhiên cùng là đi từ bị tự nhiên chi phối, con người dần thống trị lại nó, hiểu được quy luật để không bị tự nhiên tác động trở lại một cách tiêu cực. Các cuộc khai thác rừng bừa bãi, chặt phá rừng ở đầu nguồn đã làm cho hạn hán, lụt lội liên tiếp xảy ra ở Miền Trung. Quả đúng như lời Lão Tử dạy “ năm mùa làm cho mờ mắt, năm âm làm cho tai điếc...sỏi ngựa sẵn bắn làm cho lòng phát cuồng, của khó khiến cho lòng tà vậy” [26, tr. 80] theo thống kê của cục kiểm lâm vào 12/2009: cả nước có 4145,74 ha rừng bị tàn phá. Rừng bị chặt phá trước tiên là để lấy đất trồng cây công nghiệp, nuôi thủy sản, xây dựng, cho mục đích nông nghiệp như: trồng cà phê, trồng cao su và phát triển trồng những cây lương thực, công nghiệp khác, hay phá rừng để làm các khu du lịch, vui chơi, giải trí. Dự đoán đến năm 2020 cả nước sẽ có 40% rừng còn lại bị tàn phá do xã hội càng phát triển, dân số tăng nhanh. Vì lẽ đó nguồn tài nguyên thiên nhiên được sử dụng nhiều hơn trong cuộc sống, rừng bị chặt phá để phục vụ cho nhu cầu của xã hội. Đứng trước thực trạng rừng bị thôn tính như vậy thì giáo dục ý thức yêu tự nhiên bảo vệ tự nhiên trở nên cấp bách hơn bao giờ hết, bảo vệ môi trường sinh thái là bảo vệ sự sống còn của trái đất xanh này của chúng ta.

Học sinh, sinh viên trong các nhà trường là một trong những nhân tố quyết định đến sự phát triển bền vững của đất nước. Trong đó, một nội dung làm nên sự phát triển bền vững của đất nước mà không thể thiếu đó là vấn đề bảo vệ môi trường sống, vai trò của tầng lớp thanh niên, của các học sinh, sinh viên ở các trường học giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sinh thái, yêu tự nhiên, bảo vệ tự nhiên là rất quan trọng. Vấn đề môi trường đã, đang và sẽ luôn là vấn đề “nóng” cần sự quan tâm đặc biệt của các học sinh – sinh viên -



thế hệ trẻ - thế hệ chủ nhân tương lai của của đất nước. Giới trẻ sẽ là người làm chủ đất nước và mọi ý thức của họ sẽ đem lại một môi trường trong sạch. Bởi vậy, giáo dục ý thức yêu tự nhiên, bảo vệ tự nhiên là rất quan trọng, như là hạt nhân trung tâm của công cuộc bảo vệ môi trường.

Trách nhiệm của học sinh sinh viên trong nhà trường là phải tự mình ý thức về việc giữ gìn và bảo vệ môi trường, yêu thiên nhiên, bảo vệ tự nhiên. Bên cạnh đó, họ còn đóng vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền cho người khác những vấn đề xung quanh công tác bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức của cộng đồng về vấn đề này. Từ nâng cao nhận thức đến hành vi thiết thực để bảo vệ môi trường sinh thái. Việc bảo vệ môi trường sẽ không còn là việc kêu gọi từ bên ngoài mà sẽ trở thành ý thức tự thân của mỗi người khi biết rằng mình được sống trong một môi trường trong sạch và phải có trách nhiệm để bảo vệ môi trường đó. Vai trò của học sinh, sinh viên trong việc bảo vệ môi trường không chỉ thể hiện ở ý thức, hành vi, lối sống hàng ngày mà còn thể hiện trong lĩnh vực hoạt động, đời sống hàng ngày. Vấn đề hiện nay là chúng ta phải làm cho giới trẻ nhận thức được tầm quan trọng của bản thân, thấy được trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường, phải suy nghĩ và cư xử như thế nào cho đúng đối với ngôi nhà chung nhân loại, sống như thế nào để đúng quy luật với tự nhiên, yêu thiên nhiên như chính cuộc sống của chúng ta. Từ đó mà có những giải pháp do chính những người trẻ tuổi đề ra nhằm góp phần làm cho môi trường sống, cho tự nhiên của chúng ta được cải thiện theo chiều hướng tích cực hơn.

Nội dung giáo dục ý thức bảo vệ môi trường nên đưa vào trường học từ cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông cho đến đại học nhằm nâng cao nhận thức của tầng lớp học sinh, sinh viên, phát huy vai trò tích cực của các em trong sự nghiệp bảo vệ môi trường. Đưa các bài học về môi trường vào các tiết học và ngoại khóa, xây dựng cho các em lối sống yêu tự nhiên,

bảo vệ tự nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái là điều quan trọng và cần thiết. Bảo vệ môi trường để phát triển bền vững đã trở thành một xu thế tất yếu của thời đại. Việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng nói chung và học sinh cấp trung học phổ thông nói riêng là việc làm có ý nghĩa thiết thực nhằm đảm bảo sự trường tồn của trái đất.

Để công tác giáo dục yêu tự nhiên, bảo vệ tự nhiên có hiệu quả thì một ví dụ điển hình là nên đưa nội dung giáo dục ý thức yêu tự nhiên, bảo vệ môi trường vào chương trình môn giáo dục công dân ở cấp trung học phổ thông. Trong quá trình giảng dạy môn giáo dục công dân, giáo viên phải lồng ghép các kiến thức về yêu tự nhiên và vấn đề bảo vệ môi trường vào việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh trung học phổ thông thông qua các bài học một cách thích hợp, để học sinh hiểu rõ và khắc sâu. Nội dung của vấn đề giáo dục ý thức yêu tự nhiên, bảo vệ tự nhiên cần được nói sâu trong những bài có liên quan trực tiếp tới vấn đề đó như bài: Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường của lớp 11. Giúp học sinh hiểu được tình hình tài nguyên môi trường; phương hướng cơ bản nhằm bảo vệ tài nguyên và môi trường đồng thời giáo dục ý thức yêu tự nhiên, bảo vệ tự nhiên qua bài học này. Ở lớp 10 có các: Bài 13: Công dân với cộng đồng, Bài 14: Công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Bài 15: Công dân với một số vấn đề cấp thiết của nhân loại. Giúp học sinh hiểu được trách nhiệm đạo đức của công dân trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường biết hợp tác trong công tác bảo vệ môi trường. Tôn trọng pháp luật bảo vệ môi trường để học sinh nhận thấy bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức yêu tự nhiên, bảo vệ tự nhiên là trách nhiệm của mọi công dân, góp phần làm cho môi trường sống xanh- sạch- đẹp. Ngoài ra, giáo viên có thể gián tiếp thông qua các bài khác để lồng ghép nội dung giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh. Việc giáo dục ý thức yêu tự nhiên, bảo vệ tự nhiên cho học sinh còn có thể được thực hiện thông qua hoạt

động bài kiểm tra, đánh giá, giáo viên đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm, phiếu học tập, các loại bài tập nhận thức... không chỉ dừng lại ở mức độ kiểm tra lý thuyết mà phải mang tính liên hệ thực tiễn để giáo dục học sinh. Trong khi giảng dạy, đặc biệt giảng dạy các bài có liên quan đến vấn đề môi trường, giáo viên đã thực hiện tốt việc kết hợp lý luận với thực tiễn, vận dụng đưa các tình huống ngoài cuộc sống, kể chuyện, nêu gương về vấn đề bảo vệ môi trường, về ý thức yêu tự nhiên và bảo vệ tự nhiên... làm cho hiệu quả bài dạy chất lượng hơn, học sinh hiểu bài sâu hơn và có khả năng vận dụng tốt hơn.

*\* Xây dựng lối sống luôn luôn hòa hợp với tự nhiên, luôn bảo vệ môi trường sinh thái:* Cần tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân nhận thức được rằng: con người và xã hội là bộ phận đặc thù của tự nhiên, sự tồn tại và phát triển của con người và xã hội không thể tách rời giới tự nhiên. Cần phải điều tra thăm định và đánh giá sát đúng thực trạng mức độ ô nhiễm môi trường ở các khu công nghiệp, đô thị, đồng thời phải có biện pháp xử lý chất thải, thay thế máy móc thiết bị cũ, lạc hậu; sử dụng các nguyên liệu sạch để sản xuất, bổ sung chi phí bảo vệ môi trường vào giá thành sản phẩm, có chế độ thưởng phạt nghiêm minh đối với các địa phương, các ngành, các đơn vị sản xuất để nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của họ. Việc làm cho mọi người dân, từ người sản xuất đến người tiêu dùng nhận thức được bảo vệ môi trường không chỉ là để bảo vệ thiên nhiên, mà quan trọng hơn, thiết thực hơn là để bảo vệ và phát triển sản xuất, bảo vệ cuộc sống trong sạch, lành mạnh của con người là việc làm đầu tiên hình thành nên ý thức bảo vệ môi trường.

Khi nghiên cứu học thuyết Vô Vi – Không làm gì trái với quy luật, đi ngược lại quy luật, chúng ta phải chung sống hài hòa với tự nhiên, chúng ta thay đổi quan niệm từ khai thác khổng chế để làm cho tài nguyên thiên nhiên phục vụ hết sức đắc lực cho chúng ta, sang quan niệm khai thác để phát triển bền vững tức là chúng ta trả lại cho tự nhiên cái gì để có thể cải tạo lại môi

trường như cũ. Ví dụ như khai thác rừng xong thì phải trồng lên đó những mầm cây mới để sinh sôi nảy nở tạo nên môi trường sống mới. Chúng ta đang bán rẻ những gì mà thế hệ hiện nay có nhưng sẽ là quá đắt đỏ đối với thế hệ tương lai của chúng ta.

Con người không chỉ thích nghi với những điều kiện của hoàn cảnh tự nhiên, mà còn tác động qua lại với hoàn cảnh đó, làm cho nó thích nghi với mình, cải tạo cho nó phù hợp với nhu cầu lợi ích của mình dù ở nông thôn hay thành thị. Những tác động của con người vào tự nhiên lại có khuynh hướng phá vỡ thế cân bằng đã có của nhưng quá trình sinh thái học, làm cho môi trường sinh thái mất cân bằng, thiếu hụt đi rất nhiều so với ban đầu của môi sinh. Vậy nên loài người đã kề sát với những vấn đề đe dọa cuộc sống của mình, ô nhiễm không khí rất trầm trọng ở thành thị, suy kiệt cạn kiệt lớp đất trồng ở nông thôn, làm cho đất canh tác của nông dân bị thu hẹp, mà nông dân thì sống dựa vào trồng lúa, trồng trọt và chăn nuôi.

Các khu rừng bị chặt phá tàn trụi, khai thác gỗ bừa bãi tạo nên các đồi trọc, gây xói mòn nghiêm trọng, lũ lụt xảy ra thường xuyên ở các tỉnh phía Bắc như Hà Giang, Cao Bằng. Sự nhiễm độc của nguồn nước ở các dòng sông và đặc biệt các dòng sông đó lại là cung cấp nước sinh hoạt cho các thành phố lớn gây nên nhiều bệnh tật. Nhiều xí nghiệp công nghiệp của chúng ta hoạt động theo quy trình công nghệ cũ, gây ra nhiều ô nhiễm cho đất đai, không khí, nguồn nước. Như thế là do hoạt động của chính mình, con người lâm vào chỗ mâu thuẫn gay gắt với những điều kiện cư trú của mình. Tất cả chúng ta đều đấu tranh với tự nhiên nhưng lại phải cùng tồn tại hòa bình với tự nhiên không theo nghĩa thực dụng hẹp hòi mà theo một tinh thần rộng lớn là chính chúng ta có nhiệm vụ không phải chinh phục tự nhiên mà chúng ta bảo vệ tự nhiên, phải khôi phục lại những gì mà chúng ta đã lấy đi của tự nhiên, phải sống hài hòa với tự nhiên tức là tự bảo vệ chính cuộc sống của chúng ta. Ở

nông thôn còn có tâm lý ở các hộ sản xuất nhỏ, coi rừng là trời cho, vô tận và nếu có chặt phá thì cũng dễ khôi phục. Nhiều người dân ở nông thôn, miền núi không nhìn thấy khả năng thực tế và hạn chế của rừng nhiệt đới vì thế mọi người hò nhau khai thác bừa bãi, nguy hiểm là các khu rừng đầu nguồn bị phá, vùng rừng Tây Bắc đã trọc, vùng Đông Bắc và Tây Nguyên đang chuyển dần sang trọc. Những mối lừa của dân du canh du cư là mối nguy hiểm lớn đối với rừng. Để giáo dục cho người dân ở nông thôn chúng ta hàng năm cần phát huy chương trình phủ trồng đồi trọc, phát động bà con trồng cây, lấy kinh tế đánh vào tâm lý của bà con là ai trồng nhiều và có chất lượng sẽ được khuyến khích và hưởng quyền lợi. Canh tác lại đất nông nghiệp, cải tạo lại đất bị hoang hóa đưa vào trồng nhưng cây có thể phục hồi lại độ phì nhiêu cho đất. Tuyên truyền hậu quả của việc chặt phá rừng bừa bãi, giáo dục cho mọi người yêu tự nhiên, bảo vệ rừng như bảo vệ lá phổi của mỗi người. Đưa nội dung chặt phá rừng bừa bãi gây hậu quả lụt lội, hạn hán vào các cuộc họp của thôn, xóm để nhắc nhở bà con rằng rừng bị thu hẹp thì động, thực vật bị tiêu diệt, khí hậu, thời tiết sẽ biến đổi theo và còn nhiều tai họa khác. Đưa mô hình VAC (vườn – ao – chuồng) về các thôn xóm để chỉ dẫn cho bà con học cách xây dựng mô hình đó, vừa có lợi về kinh tế, vừa thiết thực bảo vệ môi trường.

Khơi gợi con người lại với môi trường tự nhiên non xanh, nước biếc, sơn cùng tận thủy của thiên nhiên. Trong hoạt động của con người chỉ nhìn thấy lợi ích cục bộ, lợi ích trước mắt mà bất chấp, vi phạm các quy luật của tự nhiên và xã hội: Rừng phi lao ven biển bị tàn phá (Non nước - Đà Nẵng), Rừng dừa 7 mẫu ở Cẩm Thanh - Hội An - Quảng Nam bị phá làm đồng muối, ao tôm gây nên mất cân bằng sinh thái. Theo dự báo đến năm 2020, 1/3 diện tích Hội An bị ngập trong nước biển. Do sự phát triển công nghiệp, các khu đô thị mọc lên, các cơ sở sản xuất do xử lý chất thải không tốt gây ô nhiễm nguồn nước, đất, không khí nghiêm trọng, do săn bắt, khai thác bừa bãi, thiếu quy hoạch. Những

tồn tại ở các địa phương này sẽ sớm được khắc phục nhờ giáo dục được lối sống yêu tự nhiên và bảo vệ môi trường sinh thái.

Ở đô thị mật độ dân số đông đúc, với tốc độ đô thị hóa phát triển nhanh ở nước ta trong những năm gần đây, càng nhiều tòa nhà cao chọc trời thì không khí càng ngột ngạt, khuyến khích người dân trồng các cây cảnh xung quanh căn hộ của nhà mình, trồng cây cảnh ở các sân thượng và các hành lang, tạo nên các vườn treo thời hiện đại ở các tòa nhà, các khu chung cư..cũng là cách thể hiện yêu tự nhiên và bảo vệ môi trường của chúng ta, nếu làm được đồng bộ như thế thì ở các thành phố lớn của nước ta sẽ bớt nóng đi về mùa hè và đem thiên nhiên đến gần hơn với thành thị.

Thông qua các khẩu hiệu tuyên truyền, bảng biểu giúp những người dân ở khu phố có những hiểu biết về môi trường, về tầm quan trọng của việc trồng cây xanh, sống hòa hợp với tự nhiên, sự ô nhiễm môi trường và các nguyên nhân gây ra sự ô nhiễm môi trường sống. Từ đó, nâng cao nhận thức và hành động cho mọi người ở khu phố trong việc bảo vệ môi trường. Bản thân mỗi người dân trong khu phố dần dần có ý thức trong việc tham gia các hoạt động tình nguyện ở khu phố mình như: dọn vệ sinh khu phố, trồng cây xanh... tham gia các hoạt động thường xuyên ở nơi công cộng như: lao động vệ sinh hàng tuần, trồng cây cảnh ở nhà văn hóa, đi tình nguyện, không xả rác bừa bãi, thu gom rác, giữ gìn vệ ở nơi công cộng như công viên, khu chơi thể thao, khu chợ...

Mặt khác, người dân có tác động tích cực trong phạm vi gia đình và khu dân cư của mình như: tuyên truyền và vận động mọi người cùng tham gia các hoạt động để bảo vệ môi trường, giáo dục yêu tự nhiên, bảo vệ môi trường xung quanh mình.

Song song với việc tuyên truyền ý thức yêu tự nhiên, sống hòa hợp với tự nhiên được vận động, thì phát động bà con trong khu dân cư hoặc các tổ

chức đoàn thể thanh niên, chi hội phụ nữ.. tìm hiểu về các chủ đề. Ví dụ chủ đề: “cây xanh và con người” với công trình “xanh khu phố và xanh các con đường”, . Phát động phong trào thi đua “Mỗi cá nhân, tập thể hành động vì môi trường xanh - sạch - đẹp”. Hay như chủ đề: “Biện pháp xử lý rác tại gia đình – khu phố”. Tổ chức thực hành thu gom rác, phân loại rác trong khu phố: yêu cầu khu phố có 3 vị trí thu gom rác, quy định nơi bỏ giấy loại, nơi bỏ rác hữu cơ, nơi bỏ vỏ chai, đồ nhựa.. Đây là việc làm có ý nghĩa hết sức thiết thực góp phần giữ gìn vệ sinh tại nơi cư trú, tạo ra môi trường sống trong sạch, bảo vệ sức khỏe cho mọi người. Làm tăng sự đoàn kết ở khu dân cư.

### **2.2.2. Vận dụng học thuyết vô vi trong giáo dục ý thức và lối sống bảo vệ môi trường xã hội**

#### ***\* Vai trò của môi trường xã hội đối với đời sống con người***

Môi trường xã hội là nơi sinh sống và hoạt động của con người, là nơi tồn tại của xã hội. Giữa môi trường xã hội thường xuyên diễn ra sự trao đổi vật chất. Sự trao đổi đó được thực hiện trong quá trình lao động, sản xuất. Điều kiện trao đổi là yếu tố trường xuyên, tất yếu đối với sự tồn tại, phát triển của xã hội tuy nó không phải là yếu tố chính quyết định đến sự phát triển xã hội.

*Con người sống không thể tách rời với môi trường xã hội.* Mỗi cá nhân muốn tồn tại thì điều kiện đầu tiên là phải ăn, mặc, ở, đi lại. Một người không thể tự đáp ứng được tất cả những yêu cầu đó, phải có sự hòa chung của rất nhiều người tạo thành một vòng người này làm việc này, người kia làm việc khác để đáp ứng nhu cầu của tất cả mọi người. Như là miền ngược thì cung cấp đồ gỗ, miền xuôi thì cung cấp lương thực, ở mỗi vùng bảo đảm sự cân bằng thiếu hụt cho nhau. Con người sống ăn ở với nhau tạo nên một môi trường dung hòa về nhu cầu. Con người sống trong môi trường xã hội và không thể tách rời.

*Môi trường xã hội là nơi con người học tập, sinh sống và làm việc. Con người muốn tồn tại thì phải học tập sinh sống trong cộng đồng. Môi trường xã hội tạo ra cơ hội cho con người được học tập nâng cao trình độ nhận thức cho mỗi người, tạo điều kiện cho con người có nhiều cơ hội hoàn thiện bản thân, con người có khả năng hơn để hoàn thiện tay nghề hoặc trình độ của mình để thuận lợi trong công việc của họ, môi trường xã hội tạo điều kiện cho mỗi con người phát triển khả năng của mình cũng như cơ hội học tập, cơ hội cạnh tranh, cơ hội phát huy tài năng, năng lực, năng khiếu của mỗi người có thể làm việc theo đúng sở trường của mình.*

*Môi trường xã hội nơi con người phát huy tài năng, cũng như chứng minh lối sống với cộng đồng, với xã hội. Trong môi trường xã hội, con người phải cạnh tranh, sống trong sự phức tạp của bản tính mỗi cá nhân. Mỗi con người với sự khác nhau về tính cách, nhân phẩm đạo đức tạo thành một sự phức tạp trong đời sống xã hội.*

Có người thì ham chức tước, tiền tài hoặc là một danh tiếng nào đó mà bất chấp thủ đoạn, biện pháp để đạt được. Ví như hiện tại ở tỉnh nào đó một lãnh đạo gần về hưu nhưng muốn làm một công trình để đời họ đã cho xây dựng thủy điện có biết đâu đằng sau đó là biết bao người dân lao động mất nhà cửa, đất đai, xây dựng lên thì môi trường xung quanh đó bị ảnh hưởng như động đất, lũ lụt, người dân sống trong lo sợ, nghèo khổ. Cái tài năng và lối sống phát huy không đúng chỗ ảnh hưởng rất lớn đến mọi người trong xã hội. Lối sống lành mạnh, yêu thiên nhiên với thời đại công nghiệp như bây giờ thật hiếm hoi. Hoạt động của con người và con người qua đó thực hiện trao đổi vật chất thường xuyên giữa con người với nhau. Mọi biến đổi trong tính chất, chiều hướng và quy mô của hoạt động con người đều gây ra những biến đổi trong mối quan hệ giữa xã hội. Cùng với sự phát triển của xã hội của hoạt động thực tiễn cải tạo của con người, lối sống bất chấp mọi hậu quả đã



gây ra những biến đổi trong xã hội không phải bao giờ con người cũng tính toán được.

Lối sống yêu tự nhiên, bảo vệ môi trường là một vấn đề trong xã hội ngày nay. Mặc dù hàng thế kỉ trước Lão Tử đã muốn quay lại cuộc sống dân dã của thời nguyên thủy “ vô danh chi phác” phải chăng khi con người quá văn minh thì con người lại càng dã man, gian trá. Con người vì lợi mà bất chấp mọi hậu quả, càng văn minh ý thức con người càng suy đồi không tôn trọng sự thật, không tôn trọng quy luật.

*Môi trường xã hội là không thể thiếu và không thể không bảo vệ trong thực trạng hiện nay.* Phá vỡ trạng thái cân bằng của môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, của môi trường sinh thái thì mọi vật sẽ rối loạn, trì trệ và có nguy cơ bị phá hoại và ảnh hưởng lớn đến con người là điều sớm muộn sẽ xảy ra. Khi môi trường bị phá hoại thì khả năng con người cũng sẽ hạn chế đi, không sáng tạo, không tự mình đạt được những điều mà tưởng chừng như có sự tác động xấu của môi trường thì sẽ làm được. Trong tình hình môi trường hiện nay cả môi trường tự nhiên lẫn môi trường xã hội đều ô nhiễm nghiêm trọng. Sống trong môi trường xã hội ô nhiễm do rác thải sinh hoạt của người dân thiếu ý thức tại các khu phố, khu dân cư như vứt rác bừa bãi, không đứng nơi đúng chỗ, các khúc sông vùng trũng ứ đọng nước là những nơi ngập tràn rác thải gây ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân xung quanh , hiện nay đã hình thành các làng ung thư ở một số nơi ở nước ta. Gây không ít đau thương cho người dân, khổ sở bệnh tật, khó khăn về vật chất. Ô nhiễm nguồn nước do các nhà máy, khu công nghiệp, nước thải của các bệnh viện là vấn đề nóng của tình hình môi trường sống cả xã hội. Để xử lý vấn nạn rác thải và nước thải cần xử phạt nghiêm đối với các cá nhân cũng như doanh nghiệp, phát động chương trình xanh , sạch, đẹp ở các khu phố và phát động phong trào thi đua khu phố đẹp và trong lành. Người dân vẫn được hưởng không khí trong

lành, sạch đẹp từ các dịch vụ làm sạch môi trường như hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý, họ không phải trả phí hoặc nếu phải trả thì rất ít nên không có ý thức bảo vệ môi trường sống của họ. Chính vì thế xử phạt hành chính xác đáng thì mọi người thấy đó mà có lối sống có trách nhiệm với môi trường sống của chúng ta. Có như thế chúng ta mới thực hiện được tư tưởng vô vi của Lão Tử là làm cho con người ta tuyệt vời hơn, luôn hòa mình vào khoảng không nhưng vẫn biết dành cho người khác một chỗ, đạt được cuộc sống theo đạo vô vi, là người bước vào cuộc sống của những giấc mơ và tỉnh dậy trước thực tế khi không tồn tại trên thế giới này nữa.

Lão Tử cũng đã nhìn nhận ra một sự thật là hãy hành động Vô Vi, phản đối việc lấy hành động tự giác, có ý thức của con người gán cho tự nhiên, Ông cố gắng tìm ra quy luật khách quan của vạn vật, dạy mọi người phải hành động theo quy luật tự nhiên. Ngược lại con người thời nay dựa vào các thành tựu khoa học không làm cho môi trường trong sạch theo hướng tích cực, có lợi cho sức khỏe con người lại đi dùng sức mạnh đó khai thác, tàn phá tự nhiên làm cho tự nhiên không tự phản ứng lại kịp dẫn đến tình trạng mất cân bằng sinh thái.

Môi trường xã hội xuống cấp nghiêm trọng bởi xã hội hiện nay còn có các mặt trái về mặt ý thức xã hội như xuống cấp về đạo đức, các chuẩn mực đạo đức bị phá vỡ, con người sống coi thường luân thường đạo lý, quá coi trọng đồng tiền dẫn tới lối sống thực dụng, các quan hệ cha con, anh em, phu thê bị đảo lộn, biến dạng. Cảnh con giết mẹ, anh giết em, vợ giết chồng ở Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh.. tràn lan trên các mặt báo, đó chỉ là mặt nổi còn vô số những vụ mà chưa được phanh phui trên báo chí. Xã hội đã quen với cái cảnh nhà có rất nhiều con cái giàu có, thành đạt nhưng đưa bố mẹ vào các trại dưỡng lão để tránh phiền phức, phải chăm sóc khi tuổi già, sức yếu. Suy ngẫm cho cùng điều đó thật đau lòng, đạo đức con người với những

người này hầu như không có khái niệm đó. Trong nhà trường báo động về đạo đức sinh viên hiện nay ở góc độ bạo lực học đường, đang trở thành ám ảnh của toàn xã hội. Tình trạng bạo lực học đường không chỉ dừng lại ở việc học sinh, sinh viên đánh nhau mà nghiêm trọng hơn còn cả việc học sinh, sinh viên đe dọa, cảnh cáo, thậm chí là hành hung, truy sát người đứng trên bục giảng. Xã hội càng văn minh thì tình cảm giữa con người với nhau càng ít đi, sự xích lại gần nhau của đồng loại là không có, sự đồng cảm của con người với nhau đang ngày càng nhạt dần. Làm sao nói đến được các chuẩn mực như Lão Tử đã nói đến là biết giảm ánh sáng của mình, rồi trảm mình vào bóng tối của người khác, lưỡng lự e ngại trước láng giềng. Tất cả mối quan hệ trên dưới đều bị chi phối bởi đồng tiền, vì tiền mà bất chấp thủ đoạn để đạt được mục đích của mình cho dù hậu quả xảy ra như thế nào.

Các giá trị truyền thống của con người Việt ít tồn tại hay bắt gặp trong cuộc sống hàng ngày, khi đi trên đường phố, hay một khu công cộng nào đó, đặc biệt là giới trẻ họ đang sống trong thời đại mới, thời đại văn minh, khoa học, nhất là sự phát triển vượt bậc của ngành công nghệ thông tin, nó đã làm cho cuộc sống con người ngày được nâng cao. Đáng tiếc thay giá trị truyền thống đang bị xói mòn bởi lối sống thực dụng, ham vật chất, lối sống giành giật, tranh giành không lành mạnh. Hơn nữa, họ chạy theo lối sống hưởng thụ, mà họ cho là hợp thời, sành điệu, họ bỏ qua những giá trị truyền thống là nền tảng cốt yếu của con người, sống theo các giá trị truyền thống mới là chuẩn mực của xã hội. Vấn đề này đang là vấn đề nhức nhối của xã hội chúng ta.

Hơn thế nữa khi giá trị đạo đức và giá trị truyền thống bị xuống cấp thì tất yếu sẽ dẫn đến các tệ nạn xã hội tràn lan, lối sống không lành mạnh xuất hiện nhiều, bạo lực và các thủ đoạn giết người ngày càng tinh vi và hết sức tàn bạo. Bằng chứng là các phương tiện truyền thông đã liên tiếp đăng tải các bài viết phản ánh về thực trạng này, đánh nhau, thậm chí hành hung cả thầy cô

giáo, rồi con giết cha, anh giết em, trẻ vị thành niên cũng gây ra nhiều vụ án mạng. Người lớn giết nhau với các thủ đoạn không ai ngờ tới như vợ đốt chồng, con giết mẹ... Những hành vi tàn bạo này được đăng trên mặt báo chỉ là tăng băng nổi, thực tế còn nhiều hơn nữa. Đặc biệt là giới trẻ, ở trường học dựa vào một số kết quả nghiên cứu đã thực hiện tại trường, ThS Phan Thị Luyện - Trường ĐH Luật Hà Nội cho hay phần lớn sinh viên cho rằng tệ nạn xã hội trong sinh viên là khá phổ biến. Chủ yếu ở các hành vi chơi lô đề, cờ bạc, bạo lực học đường, đua xe trái phép, nghiện ma túy... Đặc biệt là lô đề và chơi bài ăn tiền( Dantri.com.vn)... Lối sống của giới trẻ hiện nay bị ảnh hưởng bởi những kênh giải trí, những kênh này ảnh hưởng không nhỏ đến cách nhìn nhận về giá trị đạo đức, giá trị cuộc sống, cách cư xử... Vậy mà có bao nhiêu người cha người mẹ, thầy cô biết được con cái mình bị ảnh hưởng bởi lối sống. “Yêu mà không có tiền, cạp đất mà ăn à” - phát biểu đó của một cô “hoa hậu”, thật xấu hổ thay khi đọc những phát ngôn bừa bãi của cô hoa hậu đó.

*Trước thực trạng như vậy giáo dục ý thức và lối sống cho con người xã hội ngày nay theo nhân sinh quan vô vi: con người phải sống từ ái, khiêm nhường, bất tranh, biết đủ, biết dừng. Từ ái: là yêu tất cả mọi người bất luận đối với người tốt hay kẻ xấu, sống trong xã hội phải có lòng vị tha và bao dung, mỗi con người không ai hoàn hảo được, khi mắc phải lỗi, họ biết sửa chữa và thấy được giá trị đích thực của cuộc sống nhất là ở xã hội hiện tại, khi lối sống đã được nói ở trên thì lòng từ ái là rất cần thiết. Mỗi con người ai cũng phải có tình thương đồng loại, yêu đất nước quê hương mình, nó đánh giá bản chất đạo đức của mỗi người, nó giúp nâng cao đạo đức của mỗi con người. Nó giúp con người nâng cao giá trị và hoàn thiện mình hơn. Bởi vậy mà nhân dân ta từ lâu đã có câu “ một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ, lá lành đùm lá rách” lấy câu tục ngữ đó mà răn dạy mọi người, phải biết tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau, xã hội có tình yêu thì tạo nên sự thân ái và đoàn kết cộng*

đồng. Khơi dậy cho mọi người truyền thống dân tộc yêu thương, đoàn kết, thống nhất thành một khối đã giúp dân tộc ta đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược. Dạy cho con người ta biết sức mạnh của lòng thương, một sức mạnh tỏa sáng đập tan mọi đau thương gian khổ, bất hạnh, lòng thương đó vẫn tiếp tục dồi dào và lan tỏa khắp mọi nơi. Trong thời bình cũng vậy chúng ta trải qua bao nhiêu khó khăn sau cuộc chiến, thiên tai, lũ lụt ở miền Trung đã được nhân dân cả nước góp sức giải quyết khó khăn cho những người dân ở đây. Đó là những tình thương đáng trân trọng và ngợi ca. “Cuộc sống không phải là tất cả, còn biết sống vì cuộc đời, vì mọi người, vì tổ quốc” câu danh ngôn của nhà văn Nga Bogomolet chứng tỏ tình yêu thương là quý giá nhất.

Cuộc sống hiện tại thì: “dĩ oán báo oán”. Nho gia bảo: “dĩ trực báo oán”, đó là đạo hữu vi. Trái lại, Lão Tử nói: “dĩ ân báo oán”. Do đó, Từ ái là dám xem kẻ thù như người bạn, không lấy oán mà báo oán, cũng không lấy “trực” mà báo oán, nghĩa là không dám châm thêm vào ngọn lửa oán thù đến nỗi gần như không dám biết đến hai chữ thù oán là gì. Để ở trong lòng mình là thù hận thì người tổn thương lại là chính mình vì thế không nên oán trách, thù hận lâu như nhà Phật đã dạy chúng ta. Thiên hạ thì lấy xa xỉ, khoa trương làm mục đích tiến thù tranh nhau đua đòi trong sự xa hoa lộng lẫy càng nhiều bao nhiêu càng hay bấy nhiêu. Cuộc sống càng nhiều tiền thì đó là thước đo của sự thành công, lối sống xa hoa, xa xỉ lại được coi là đẳng cấp, trong khi còn có rất nhiều gia đình nghèo không có nhà ở chỉ cần được bằng một bữa tiệc của họ. Lão Tử trái lại khuyên ta: “khứ thậm, khứ xa, khứ thái” và lấy kiệm ước làm căn bản cho người trị nước. Lão Tử còn khuyên ta “tri chi, tri túc”. Lòng tham của con người khi đã nổi lên thì bất chấp thủ đoạn, nếu để biết đủ, biết dừng như Lão Tử dạy thì có lẽ ở xã hội hiện đại này là rất hiếm hoi.

Để đưa xã hội sống được với tư tưởng như vậy là điều xa vời và vô cùng khó khăn so với đạo đức, các giá trị truyền thống suy giảm cũng như các tệ nạn diễn ra phức tạp như đã trình bày ở trên, nhưng không phải vì vậy mà mất đi niềm tin với xã hội hiện tại. Lối sống biết đủ, biết dừng sẽ làm cho con người có lương tâm để sống thanh thản. Sống không biết đủ biết dừng sẽ gặp tai họa Lão Tử viết “Họa không lớn gì bằng không biết đủ, lỗi không gì lớn bằng muốn cho được, cho nên đủ mà biết đủ thì thường thấy đủ”. Biết đủ thì không nhục, biết ngừng không nguy mà còn trường cửu. Con người lòng tham thì vô độ, hiện nay ở nước ta tình trạng tham nhũng đang tràn lan. Trong tình hình tham nhũng trở thành “quốc nạn”, chống tham nhũng được coi như chống “nội xâm” thì việc làm trong sạch bộ máy và cán bộ, công chức lại càng có ý nghĩa quyết định, chính là để cán bộ, công chức không thể lợi dụng những khiếm khuyết của thị trường mà mưu cầu lợi ích không chính đáng. Tham nhũng đã làm cho nhân dân ta mất niềm tin ở Đảng, ở chính phủ, nguy cơ tồn vong của chế độ đang là rất cao, đó là hậu quả khôn lường của lòng tham của con người. Để khắc phục tham nhũng thì những hoạt động của cơ quan công quyền liên quan đến người dân phải được công khai hóa để người dân biết và giám sát. Cán bộ, công chức ở mọi ngành, mọi cấp đều phải được đặt dưới sự giám sát của dân, của xã hội, không có sự giám sát chặt chẽ, không tránh khỏi lạm quyền, độc quyền và tham nhũng xảy ra là dễ hiểu. Gần đây, báo chí đã có công phanh phui những vụ bê bối, tham nhũng lớn trong một số ngành, tổng công ty nhà nước, đó là điều rất đáng biểu dương. Người đời đều lấy sự ăn ngồi trên trước làm vinh, và suốt đời chạy mãi theo cái bản vinh hoa phú quý mà quên đi các chuẩn mực, lao vào cách làm tiền bất chấp pháp luật và phi pháp bao gồm cả trái với đạo trời thì Lão Tử lại bảo ta không nên “đứng trước thiên hạ”, cần phải khiêm nhu, từ tốn và luôn luôn đứng dưới và ngồi sau. Lối sống bất tranh đang là vấn đề của xã hội chúng ta, khi sự phát

triển ngày càng cao của mọi mặt thì sự tranh giành nhau càng gay gắt, phải nói là giành giật thì mới đúng nghĩa với thực trạng xã hội hiện nay. Khi con người chạy theo lối sống thực dụng, ham hưởng thụ, đạo đức xuống cấp, thì sự cạnh tranh, giành giật là hệ quả. Đức tính khiêm nhu từ tốn là rất cần thiết với mọi người, khiêm nhu từng nào cũng không đủ nhất là đối với các bậc lãnh đạo, thời nào cũng vậy, càng khiêm nhu càng được lòng dân.

Lão Tử viết ở Đạo đức kinh, chương 9 “ôm giữ cho đầy chẳng bằng thôi đi, dùng dao sắc bén chẳng bén được lâu, vàng ngọc đầy nhà chẳng giữ được lâu, giàu sang mà kiêu là chuộc lấy họa, thành công rồi thì nên rút lui” [26, tr. 69]. Con người sống tham lam quá cũng chẳng được, chẳng có gì là vĩnh cửu và trường tồn mãi được, không có gì là vô cùng vô tận, có giới hạn và vượt mức thì sẽ gây tai họa, khai thác vừa, đủ rồi thì nên dừng lại “thành công rồi thì nên rút lui”. Đối với tự nhiên lòng tham vật chất đã khiến con người mờ mắt, ý thức trước những biến đổi của khí hậu, của môi sinh vẫn chưa thức tỉnh khi lối sống thực dụng, bất chấp họ vẫn khai thác, vẫn tàn phá. Nếu được như Lão Tử nói thì đâu có nhưng vụ cháy rừng chấn động thế giới ở rừng U Minh Hạ và Thượng do biến đổi của khí hậu nóng lên bất thường, làm cho cây cò trơ trụi xác xơ, các loài thực vật, động vật không có chỗ dung thân, con người sớm muộn rồi cũng đến ngày đó nếu ý thức sinh thái, ý thức bảo vệ môi trường sống như hiện nay.

Để đưa xã hội trở lại với nếp sống theo nhân sinh quan vô vi: từ ái khiêm nhường, bất tranh, biết đủ biết dừng quả là điều khó trong hiện nay, khi lối sống thực dụng, vô cảm trước đồng loại, ham tiền đã trở thành thói quen trong xã hội ta. Mà những gì đã thuộc về thói quen thì khó thay đổi, để đưa được nhân sinh quan đó đến với mọi lớp người, đặc biệt là giới trẻ thì cha mẹ ở mỗi gia đình phải là một tấm gương với lòng thương yêu, nhân ái, có trước có sau, giáo dục con cái sống dung hòa, nhân ái với mọi người, cha mẹ là tấm

gương học tập, công tác và nhân cách, lối sống lành mạnh, yêu lao động và lao động chân chính. Trong trường học thì mỗi thầy cô là một tấm gương đạo đức và tri thức. Nhân cách của người thầy chính là tấm gương đạo đức có sức thuyết phục nhất đối với sinh viên, sự giáo dục không lời mà đem lại hiệu quả cao. Liều thuốc để tăng sức đề kháng cho học sinh, sinh viên chính là vai trò của người thầy trong việc rèn luyện nhân cách của học sinh, sinh viên. Vì hành vi, nhân cách của người trực tiếp giảng dạy sẽ tác động đến học sinh, sinh viên rất nhiều định hướng cho học sinh sinh viên có lý tưởng sống, biết xây dựng cuộc sống dựa trên các giá trị cao đẹp. Giáo dục theo lối sống mới để đưa giới trẻ khiêm nhường bất tranh là dựa trên lối giáo dục bằng yêu thương, nâng đỡ. Đưa các chương trình học đạo đức vào giáo trình chính giảng dạy để các em nhận thức đúng đắn hơn về lối sống của mình ở thực tại cũng như sẽ có ở tương lai. Học sinh, sinh viên nên tham gia các hoạt động Đoàn hội, hoạt động ngoài giờ cần gần gũi, hấp dẫn hơn để thu hút học sinh, sinh viên nhằm hạn chế “tình trạng nhàn rỗi” của học sinh, sinh viên, qua đó loại bỏ các cơ hội khiến họ tiếp cận với hành vi tiêu cực.

Đối với cộng đồng xã hội thì mỗi con người sống trong xã hội đều tham gia một tổ chức nào đó, vì vậy để cộng đồng sống với nhau có tình nghĩa, không tranh giành thì sự công bằng và minh bạch về lợi ích được đặt lên hàng đầu. Khi lợi ích của mỗi người được công khai, được công bằng thì con người sống với nhau mới bớt ganh đua, suy cho cùng dẫn đến xã hội như hiện nay đều là do vật chất chi phối. Đáng tiếc là xã hội hiện nay những điều bất công vẫn tràn lan, như nạn con cha cháu ông, rồi nhiều tiền thì mọi việc sẽ thuận lợi, kẻ nhiều tiền sẽ được coi trọng và coi là biết điều trong khi người nghèo là sinh hèn. “Phú quý sinh lễ nghĩa” cái câu nói đó đã được đúc rút từ bao đời nay rồi. Những ai ở trong guồng máy xã hội này mà không ganh đua, lạnh



lòng thì làm sao có cơ hội cho mình vậy nên cái lợi ích và công bằng nếu được đáp ứng thì xã hội tất sẽ trở lại bình ổn.

Các nhu cầu phúc lợi xã hội khi mọi người đều được ngang bằng với nhau thì mọi người sẽ sống chan hòa với mọi người xung quanh, tình yêu thương đồng loại sẽ tăng. Cách sống, lối sống từ ái khiêm nhường, bất tranh từ đó được sắp xếp lại. Cấp trên không lấy cái quyền của mình để coi những cấp dưới phải phục tùng mình, phải là người đứng sau và ngồi sau thì mọi người mới phục, mới coi trọng, sự khiêm tốn đối với tất cả mọi người xung quanh là thước đo phẩm giá của người lãnh đạo, của một người được giáo dục theo nhân sinh quan vô vi.

Như vậy, để học tập và sống trong môi trường xã hội hiện tại được tốt hơn so với thực trạng môi trường xã hội hiện nay, điều đảm bảo cho sự hình thành lại trật tự sống theo nhân sinh quan vô vi, từ ái, bất tranh, biết đủ, biết dừng thì với mọi người trong xã hội đều có trách nhiệm, phải cùng nhau sống theo lý tưởng tốt đẹp mà Lão Tử đã dạy cách đây hàng thiên niên kỉ cho đến bây giờ lý tưởng đó vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn và cả lý luận. Nó đặc biệt quan trọng trong môi trường xã hội hiện nay của nước ta khi đất nước tiến hành hội nhập và mở rộng quan hệ trên tất cả các mặt.

## KẾT LUẬN

Nhân loại đã bước qua thiên niên kỉ thứ ba, thập niên thứ hai, thế kỉ XXI và điều mà cả nhân loại đang phải đối mặt hàng đầu có tính lâu dài không phải là khủng hoảng kinh tế, hay chiến tranh hạt nhân, hay bùng nổ dân số mà điều tồi tệ tác động trực tiếp đến sức khỏe và ý nghĩa sống còn của mỗi con người tồn tại trên trái đất này môi trường sống đang bị đe dọa nghiêm trọng. Kể cả môi trường ăn ở, hít thở, sinh hoạt hàng ngày, đến nguồn cung cấp vật chất nguyên liệu cho loài người đang bị khai thác thái quá và ngày càng bị đe dọa sự quá tải, quá mức cho phép. Một dân tộc muốn có cuộc sống ổn định, bền vững khi dân tộc đó hòa hợp với dân tộc khác và với thiên nhiên. Nhân loại chỉ có thể khai thác những gì có trong thiên nhiên, trong phạm vi cung cấp của thiên nhiên. Nếu thiên nhiên mất khả năng cung cấp thì nhân loại không thể tồn tại được. Điều đó có nghĩa là phải tiến hành hành động phát triển trong phạm vi thiên nhiên cho phép, trong khuôn khổ phục hồi của thiên nhiên. Nếu như làm trái quy luật sẽ chịu sự trừng phạt liên tiếp và nặng nề như những năm gần đây ở Việt Nam cũng như các nước.

Các nước trên thế giới, đặc biệt là ở phương Tây xa xôi từ khoảng một trăm năm nay, Triết học Lão Tử ngày càng có mặt trong phạm vi nghiên cứu của nhiều học giả thuộc bộ môn triết ở các đại học, cho tới các trí thức muốn tìm cho mình một lối suy tư và sống thanh thoát ra cái xã hội bị cơ khí hóa và mê thích tiêu thụ. Hơn bao giờ hết xã hội càng văn minh thì con người càng đánh mất chính mình. Sự tranh giành về quyền lợi, vật chất đã làm cho con người ngày càng mất dần những giá trị truyền thống. Con người lao vào khai thác tự nhiên, phá hoại môi trường, càng văn minh con người càng tùy tiện. Quay lại tìm hiểu quan niệm vô vi của Lão Tử đã trở nên quan trọng, đã góp

phần làm cho xã hội tốt đẹp hơn, văn minh hơn khi đưa con người sống hòa nhập với tự nhiên.

Hàng loạt hội nghị quốc tế đã được tổ chức nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức và ký kết các công ước, các thoả thuận bảo vệ môi trường. Các phong trào bảo vệ môi trường, nhiều tổ chức tôn giáo đã có những hoạt động rất tích cực. Trong bối cảnh nỗ lực chung của nhân loại, những tiếng nói từ góc ý thức, lối sống xuất hiện. Với luận điểm nổi tiếng: “Hành động tốt là hành động nhằm bảo vệ sự toàn vẹn, sự ổn định và vẻ đẹp của cộng đồng sinh vật, còn ngược lại thì đó là hành động xấu”.(Aldo Leopold) được đưa ra năm 1949 và đến nay với nhiều cải biến thay đổi thì thực trạng môi trường nhân loại vẫn chưa được giải quyết một cách tốt đẹp chứ chưa nói là triệt để.

Nước ta đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, song tình hình môi trường đã và đang bị suy thoái khá nghiêm trọng. Đây là một trong những thách thức lớn cho nước ta trong quá trình phát triển. Ý thức được thực trạng đó, Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sinh thái cho nhân dân.

Đứng trước thực trạng môi trường đang rất điêu đứng và nhạy cảm, chúng ta quay ngược thời gian lịch sử, chung sức nghiên cứu học thuyết Vô vi của Lão Tử, có thể khơi gợi làm thức tỉnh lương tri, ý thức của mỗi người về ý thức bảo vệ môi trường. Chính tư tưởng Vô Vi nếu biết vận dụng đúng đắn sẽ là kim chỉ nam cho hoạt động sống, bảo vệ môi trường sinh thái giúp cộng đồng người phát triển hài hòa, bền vững, góp phần vào sự phát triển của đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ăngghen (1976), *Biện chứng của tự nhiên*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
- [2] Đào Duy Anh (1954), *Trung hoa sử cương*, Nhà sách bốn phương Sài Gòn.
- [3] Bách khoa toàn thư tinh túy văn học cổ điển Trung Quốc (1995), *Lão Tử*, Nxb giáo dục, Hà Nội.
- [4] Vũ Đình Bảy (2010), *Phương pháp dạy học công dân ở trường THPT*, Nxb giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [5] Bộ giáo dục và đào tạo (1999), *Lịch sử triết học*, Nxb giáo dục, Hà Nội.
- [6] Bộ giáo dục đào tạo (2002), *Giáo trình triết học Mác- Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
- [7] Nguyễn Duy Cần (1963), *Trang Tử tinh hoa*, Nxb Khai Trí, Sài Gòn.
- [8] Nguyễn Trọng Chuẩn (2002), *Biện chứng của tự nhiên và ý nghĩa hiện thời của nó*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] Giản Chi – Nguyễn Hiến Lê (1966), *Đại cương triết học Trung Quốc*, Nxb Cáo Thơm, Sài Gòn.
- [10] Minh Chi – Hà Thúc Minh (1993), *Đại cương triết học phương Đông*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [11] Phạm Văn Chín (2002), *Ý thức sinh thái và vấn đề phát triển lâu bền*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [12] Doãn Chính – Trương Văn Chung – Nguyễn Thế Nghĩa – Vũ Tinh (2002), *Đại cương triết học Trung Quốc*, Nxb Thanh Niên, TP. HCM.
- [14] Vũ Văn Chuyên (1998), *Gải đáp những vấn đề sinh giới*, Nxb khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
- [15] Đặng Ngọc Dinh (1992), *Công nghệ năm 2000 đưa con người về đâu*, Nxb khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.

- [16] Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
- [17] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
- [18] Lưu Đức Hà, Nguyễn Ngọc Sinh (2000), *Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [19] Đinh Thị Minh Hằng (1996), *Lê Quý Đôn trên tiến trình ý thức văn học dân tộc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [20] GS.TS Nguyễn Hùng Hậu (2000), *Đại cương Lịch sử triết học Việt Nam*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [21] Nguyễn Hùng Hậu (2006), *Triết lý trong văn hóa phương Đông*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [22] Học viện chính trị quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh (2002), *Chủ nghĩa duy vật lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [23] PGS.TS. Nguyễn Tấn Hùng, *Bài giảng một số tác phẩm triết học trước Mác*, Đà Nẵng.
- [24] Vũ Hiền (2005), *Đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước*, Nxb Chính Trị, TP. HCM.
- [25] Thu Hằng – Nguyễn Duy Cần (1992), *Đại cương triết học Trung Quốc – Lão Tử tinh hoa*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
- [26] Thu Hằng – Nguyễn Duy Cần dịch (1991), *Đạo Đức Kinh*, Nxb Văn Học
- [27] Trần Khương Kiều (1986), *Ô nhiễm và lành mạnh hoá môi trường ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb TP. Hồ Chí Minh.
- [28] Phùng Hữu Lan (1999), *Đại cương triết học sử Trung Quốc*, Nxb Thanh Niên, TP. HCM.
- [29] Nguyễn Tấn Lê (2009), *Môi trường và con người*, Nxb Đà Nẵng.

- [30] Nguyễn Tấn Lai (1994), *Luật bảo vệ môi trường*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [31] Morin Edga (2002), *Trái đất tổ quốc chung*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
- [32] Phan Ngọc (2010), *Sử ký Tư Mã Thiên*, Nxb Thời đại, Hà Nội.
- [33] Lưu Ngôn, Vũ Ngọc Quỳnh dịch (2004), *Đàm đạo với Lão Tử*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [34] Nhiều tác giả (2006), *Việt Nam 20 năm đổi mới*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [35] Hà Nhật Thăng (2004), *Nhập môn giáo dục công dân*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [36] TS. Vũ Minh Tâm (2004), Giáo dục văn hoá sinh thái - nhân văn trong nhà trường nhằm nâng cao chất lượng dân số, *Tạp chí Cộng sản*, (12), tr. 61- 66.
- [37] Trí Tuệ (2003), *Lão Tử, - Tư tưởng và Sách lược*, Nxb Mũi Cà Mau.
- [38] Ngô Tất Tố (1992), *Lão Tử*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [39] Đỗ Anh Thơ (2006), *Trí tuệ Lão Tử*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
- [40] Tư Mã Thiên (1988), *Sử Ký*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [41] Trần Quang Thuận (2004), *Triết học chính trị khổng giáo*, Viện triết lý Việt Nam.
- [42] PGS. TS. Phạm Thị Ngọc Trâm (2010), "Các giá trị văn hoá sinh thái truyền thống Việt Nam trước xu thế toàn cầu hoá", *Tạp chí Triết học*, (7), tr. 17- 20.
- [43] PGS. TS. Phạm Thị Ngọc Trâm, "Về hậu quả tiêu cực và những thách thức của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại", *Tạp chí Triết học*, (6), tr. 31- 34.

- [44] PGS. TS. Phạm Thị Ngọc Trâm (2002), "Vấn đề xây dựng đạo đức sinh thái trong điều kiện kinh tế thị trường", *Tạp chí Triết học*, ( 3), tr. 18 - 22.
- [45] PGS. TS. Phạm Thị Ngọc Trâm (2002), "Bảo vệ môi trường - Nhiệm vụ chung của toàn nhân loại", *Tạp chí Cộng sản*, (26), tr. 52- 55.
- [46] PGS. TS. Phạm Thị Ngọc Trâm (2003), "Những giá trị văn hoá sinh thái nhân văn Hồ Chí Minh", *Tạp chí Triết học*, (12), tr. 14-19.
- [47] Thanh Quát – Vũ Tinh (2002), *Lịch sử triết học*, Nxb giáo dục, Hà Nội.
- [48] Nguyễn Đăng Thục (1997), *Lịch sử triết học phương Đông tập 2*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [49] Thacois Jullien (2004), *Minh triết phương Đông và triết học phương Tây*, Nxb Đà Nẵng.
- [50] Viện hàn lâm khoa học Liên Xô, Viện triết học (1962), *Nguyên lý triết học Macxit, phần thứ hai, chủ nghĩa duy vật lịch sử*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [51] Viện sĩ A. G. Xpirkin (1980), *Triết học xã hội, tập 1*, Nxb Tuyên huấn, Hà Nội.
- [52] Viện sĩ A. G. Xpirkin (1989), *Triết học xã hội, tập 2*, Nxb Tuyên huấn, Hà Nội.
- [53] Hồ Văn Vĩnh (12/2005), "Phát huy nội lực, tranh thủ các nguồn lực quốc tế để đẩy mạnh sự nghiệp CNH – HĐH đất nước", *Tạp chí lý luận chính trị*, (10) , tr. 14-19.

